

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP  
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024  
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ - TỈNH QUẢNG TRỊ

Đông Hà, tháng 12 năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP  
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024  
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ - TỈNH QUẢNG TRỊ

Ngày ..... tháng ..... năm 2023

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỈNH QUẢNG TRỊ

Ngày ..... tháng ..... năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

**MỤC LỤC**

ĐẶT VẤN ĐỀ .....	1
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI .....	2
1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên.....	2
1.1.1. Vị trí địa lý.....	2
1.1.2. Địa hình, địa mạo .....	2
1.1.3. Khí hậu .....	3
1.1.4. Thủy văn .....	4
1.2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên.....	5
1.2.1. Tài nguyên đất .....	5
1.2.2. Tài nguyên nước .....	5
1.2.3. Tài nguyên rừng.....	6
1.2.4. Tài nguyên khoáng sản .....	6
1.2.5. Tài nguyên nhân văn .....	6
1.3. Hiện trạng môi trường .....	7
1.3.1. Môi trường không khí .....	7
1.3.2. Môi trường nước.....	7
1.3.3. Hiện trạng chất thải rắn .....	8
1.4. Dân số, lao động và việc làm.....	10
1.5. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội .....	11
1.5.1. Phát triển kinh tế .....	11
1.5.2. Văn hóa - xã hội .....	12
1.6. Nhận xét chung.....	14
1.6.1. Thuận lợi.....	14
1.6.2. Những khó khăn, hạn chế .....	14
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 .....	15
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 .....	15
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 .....	21
2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.....	22
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 .....	22
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất.....	22
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực .....	24
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất .....	33

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích .....	39
3.5. Diện tích đất cần thu hồi.....	41
3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng .....	41
3.7. Giao đất, cho thuê đất đối với thửa đất nhỏ hẹp.....	41
3.8. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch .....	42
3.9. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất ..	42
<b>IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....</b>	<b>43</b>
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường .....	43
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	44
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất .....	45
4.4. Giải pháp về khoa học công nghệ, sử dụng lao động .....	45
4.5. Giải pháp về thông tin và truyền thông .....	46
4.6. Giải pháp chuyển đổi ngành nghề và phát triển sinh kế cho những hộ gia đình bị thu hồi đất sản xuất để thực hiện các mục đích phi nông nghiệp.....	46
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>47</b>
1. Kết luận.....	47
2. Kiến nghị .....	47
<b>BIỂU SỐ LIỆU.....</b>	<b>48</b>

**ĐẶT VẤN ĐỀ**

Thành phố Đông Hà nằm ở vị trí trung độ của cả nước, với tổng diện tích tự nhiên 7.308,53 ha, mật độ dân số khoảng 1.300 người/km<sup>2</sup>. Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh Quảng Trị, nằm trên trục hành lang kinh tế Đông - Tây nối liền 13 tỉnh của 4 quốc gia (Việt Nam, Lào, Thái Lan, Myanmar); có mạng lưới giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt thuận lợi, có vị trí về quốc phòng - an ninh khu vực miền Trung, cũng như hội tụ các điều kiện giao lưu, tiếp thu các thành tựu khoa học tiên tiến, khả năng thu hút đầu tư để xây dựng phát triển trở thành đô thị hiện đại, ngang tầm khu vực. Để quản lý, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thì công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải được triển khai thực hiện một cách kịp thời, đầy đủ và đúng theo quy định pháp luật.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 khẳng định “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”.

Luật Đất đai năm 2013, tại khoản 1 Điều 6 quy định: “Nguyên tắc sử dụng đất phải đúng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích sử dụng đất”. Tại Điều 35, 38, 39, 40 quy định các nguyên tắc, căn cứ, nội dung lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện ở 3 cấp là quốc gia, tỉnh, huyện. Tại Điều 45, 48, 49 xác định thẩm quyền quyết định, xét duyệt, điều chỉnh, công bố và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 6 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch. Tại Điều 52 cũng quy định căn cứ để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất là kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

Vì vậy, để sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả quỹ đất, tránh việc giao đất, cho thuê đất bừa bãi gây tình trạng chiếm dụng quỹ đất; mua bán chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc giao đất, cho thuê đất đối với các nhà đầu tư có năng lực tài chính hạn chế, dẫn đến đất đai bị bỏ hoang, bị lấn chiếm, sử dụng sai mục đích, do đó việc lập Kế hoạch sử dụng đất của thành phố năm 2024 là hành lang pháp lý cho công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật đất đai và là một dung bắt buộc trong quá trình quản lý, sử dụng đất của thành phố Đông Hà, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong thời gian tới.

## I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

### 1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên

#### 1.1.1. Vị trí địa lý

Thành phố Đông Hà là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Quảng Trị, nằm ở tọa độ  $16^{\circ}40'53'' - 16^{\circ}52'22''$  vĩ độ Bắc,  $107^{\circ}40'24'' - 107^{\circ}04'24''$  kinh độ Đông. Cách thành phố Đồng Hới 93 km về phía Nam, cách thành phố Huế 70 km về phía Bắc, cách cửa khẩu Lao Bảo 85 km về phía Đông, cách cảng biển Cửa Việt 16 km về phía Tây. Phạm vi thành phố được giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Cam Lộ và Gio Linh.
- Phía Nam giáp huyện Triệu Phong.
- Phía Đông giáp huyện Gio Linh và Triệu Phong.
- Phía Tây giáp huyện Cam Lộ.

Đông Hà nằm ở giao điểm của các tuyến giao thông Bắc Nam gồm có Quốc lộ 1A (nối Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh), đường sắt Bắc Nam và Quốc lộ 9 nằm trong hệ thống đường Xuyên Á đi Lào, Đông Bắc Thái Lan. Thành phố Đông Hà là một trong những điểm khởi đầu ở phía Đông của trục hành lang kinh tế Đông - Tây, nối với nước Lào, Thái Lan và Myanmar... qua cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo.

#### 1.1.2. Địa hình, địa mạo

- Địa hình: Nhìn chung, thành phố Đông Hà có hai dạng địa hình cơ bản sau:

+ Địa hình gò đồi: Có dạng bát úp ở phía Tây và Tây Nam có diện tích 3.222 ha, chiếm 44,1% diện tích tự nhiên; có độ cao trung bình 10 m so với mực nước biển, nghiêng dần về phía Đông với độ dốc trung bình  $5 - 10^{\circ}$ , chỗ cao nhất là 42 m ở phường Đông Thanh (Khu phố 11), chỗ thấp nhất là 2,5 m nằm ở khu vực chợ Đông Hà và phía Đông Quốc lộ 1A. Với địa hình này sẽ thích hợp cho việc sản xuất canh tác, trồng cây lâm nghiệp, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế trang trại, sinh thái vườn đồi, vườn rừng. Xen kẽ giữa những gò đồi là những hồ đập có tác dụng điều hoà khí hậu, bảo vệ môi trường, đồng thời tạo ra những cảnh quan tự nhiên, môi trường sinh thái để tạo điều kiện cho việc xây dựng và phát triển các cụm điểm dịch vụ vui chơi, giải trí, tạo ra một cảnh quan đô thị đẹp, đa dạng.

+ Địa hình đồng bằng: Có độ cao trung bình 3 m so với mực nước biển, chiếm 55,9% diện tích tự nhiên. Về thổ nhưỡng, đất ở đây được phủ lên mặt lớp phù sa thuận lợi cho phát triển nông nghiệp (trồng lúa, hoa, rau màu...). Địa hình này tập trung ở Phường 2, Phường 3, Đông Thanh, Đông Giang, Đông Lễ, Đông Lương. Do địa hình thấp trũng nên thường hay bị ngập lụt về mùa mưa bão; đồng thời do nằm ở cuối nguồn các công trình thủy lợi nên thường bị hạn hán, thiếu nước về mùa hè, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống.

- Địa mạo: Do hoạt động kiến tạo xảy ra mạnh mẽ, đặc biệt là hoạt động tân kiến tạo, kết hợp với quá trình ngoại sinh đã tạo nên 2 vùng địa mạo cơ bản là vùng bóc mòn và vùng tích tụ.

+ Vùng bóc mòn: phân bố chủ yếu ở phía Tây - Tây Nam Quốc lộ 1A, có độ cao dao động từ 5 m đến xấp xỉ 30 m, là vùng hoàn toàn thoát khỏi tác động của lũ lụt hàng năm, ở đây hoạt động phong hoá xâm thực - bóc mòn là cơ bản, vùng này có nền móng tốt thuận lợi cho xây dựng các công trình, định cư và trồng cây công nghiệp, lâm nghiệp.

+ Vùng tích tụ: có cấu tạo địa hình phức tạp, độ cao biến động từ 0 - 5 m; nhiều nơi bị ngập lũ hàng năm, có nơi sâu đến 2 m (như phường Đông Thanh, Đông Giang, Đông Lễ, Đông Lương). Đây là vùng trồng lúa nước, nuôi trồng thủy sản. Hàng năm lũ lụt gây ra nhiều thiệt hại cho cư dân và sản xuất nông nghiệp.

### **1.1.3. Khí hậu**

- Thành phố Đông Hà nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa nhưng lại chịu ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam và gió mùa Đông Bắc. Khí hậu phân thành hai mùa rõ rệt. Mùa khô từ tháng 3 đến tháng 9, có sự xuất hiện của gió Tây Nam khô nóng làm cho mức nhiệt tăng, độ ẩm giảm thấp. Mùa mưa từ tháng 10 đến tháng 02 năm sau, chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc làm cho nhiệt độ giảm kèm theo mưa bão và lũ lụt.

+ Nhiệt độ: Có nền nhiệt độ tương đối cao, nhiệt độ trung bình năm khoảng 25<sup>0</sup>C. Nhiệt độ cao nhất có thể lên đến 42<sup>0</sup>C, thường xảy ra trong tháng 6, tháng 7; nhiệt độ thấp có thể xuống 11<sup>0</sup>C, thường xảy ra trong khoảng tháng 01, tháng 12. Từ tháng 5 đến tháng 7 khi xuất hiện gió mùa Tây Nam (thường gọi là gió Lào) mang đặc trưng nắng nóng và khô hạn kéo dài, đó cũng là thời gian nóng nhất trong năm.

+ Lượng mưa: Tương đối lớn, bình quân năm 2.454 mm, nhưng phân bố không đều theo các tháng trong năm. Mưa tập trung chủ yếu vào tháng 9, 10, 11 và cao nhất vào tháng 9 nên thường gây ra lũ lụt. Nước lũ tràn về đồng ruộng tạo nên lớp phù sa mới, bồi đắp độ màu mỡ cho sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên đây cũng là nguyên nhân gây ngập úng, ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống và sản xuất của người dân.

+ Độ ẩm: Độ ẩm trung bình qua các năm từ 83 - 87%, các tháng có độ ẩm cao thường là các tháng mùa mưa. Vào mùa khô độ ẩm thấp hơn nhiều, đặc biệt vào thời kỳ có gió Tây Nam hoạt động, độ ẩm chỉ còn 67 - 68%.

+ Bức xạ mặt trời, số giờ nắng: Tổng bức xạ lớn nhất rơi vào các tháng mùa khô, trung bình hàng năm đạt từ 128 - 133 Kcal/cm<sup>2</sup>. Với số giờ nắng phân hóa không đều trong năm, những tháng mùa hạ thường có số giờ nắng cao gấp 2 đến 3 lần mùa mưa. Thời kỳ nắng nhiều là những tháng mùa khô từ tháng 4 đến tháng 8, số giờ nắng lớn hơn 200 giờ; tháng có giờ nắng cực đại là tháng 7, đạt 239 giờ. Thời kỳ ít nắng là những tháng mùa mưa từ tháng 11 đến tháng 02 năm sau, số giờ nắng dưới 120 giờ.

- Gió: Hằng năm, có hai mùa gió chính là gió mùa đông và gió mùa hạ. Về mùa đông hướng thịnh hành chủ yếu là Đông - Bắc; xen kẽ giữa hai đợt gió mùa Đông Bắc là những ngày gió mùa Đông hoặc Đông Nam. Về mùa hạ, hướng gió thịnh hành là hướng Tây - Nam; gió Đông Nam xuất hiện từ tháng 11 đến tháng 01 năm sau; gió Tây Nam khô nóng xuất hiện từ hạ tuần tháng 02 và kết thúc vào trung tuần tháng 9, gió Tây Nam thịnh hành từ tháng 5 đến tháng 8.

+ Bão: Mùa bão thường xảy ra từ tháng 9 đến tháng 11. Các cơn bão đổ bộ vào đất liền thường kèm theo mưa to kết hợp nước biển dâng cao và lượng mưa từ trên nguồn đổ xuống gây lũ lụt và ngập úng trên diện rộng làm hư hỏng cơ sở hạ tầng, thiệt hại mùa màng, gây nhiều tổn thất về kinh tế, xã hội và môi trường.

- Nhìn chung, khí hậu của khu vực có nhiều nét biến động mạnh, thể hiện qua sự biến động mùa (mùa đông và mùa hạ, mùa mưa và mùa khô). Diễn biến khí hậu thời tiết của Đông Hà thường gây úng vào đầu vụ đối với vụ đông xuân; hạn đầu vụ, úng cuối vụ đối với vụ hè thu.

#### **1.1.4. Thủy văn**

- Chế độ thủy văn chịu ảnh hưởng của hệ thống sông ngòi và thủy triều từ biển vào thông qua cửa biển Cửa Việt. Hệ thống sông ngòi của thành phố gồm 03 sông chính:

+ Sông Hiếu: Bắt nguồn từ sườn Đông dãy Trường Sơn cao trên 1.000 m chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam qua các xã Hướng Sơn, Hướng Hiệp chảy về địa phận huyện Cam Lộ đi về Đông Hà (bắt đầu từ nhà máy xi măng Đông Hà đến ngã ba Gia Độ) và nhập vào sông Thạch Hãn ở ngã ba Gia Độ. Sông Hiếu có chiều dài 70 km, diện tích lưu vực 465 km<sup>2</sup>, đoạn chảy qua thành phố có chiều dài 8 km, với chiều rộng trung bình khoảng 150 - 200 m. Khu vực hạ lưu sông Hiếu chịu sự chi phối của thủy triều từ biển vào nên có chế độ dòng chảy khá phức tạp. Về mùa hạ dòng chảy ở thượng lưu nhỏ (lưu lượng thấp nhất là 2,83 m<sup>3</sup>/s) nên mặn xâm nhập sâu và biên độ mặn lớn, nhưng về mùa lũ nước thường dâng cao gây ngập lụt.

+ Sông Thạch Hãn: Có chiều dài 155 km, diện tích lưu vực 2.660 km<sup>2</sup>. Nhánh sông chính là Thạch Hãn bắt nguồn từ các dãy núi lớn Động Sa Mui, Động Voi Mẹp (nhánh Rào Quán) và động Ba Lê, động Dang (nhánh Đakrông). Đoạn chảy qua thành phố Đông Hà có chiều dài 5 km, với chiều rộng trung bình khoảng 250 - 400 m.

+ Sông Vĩnh Phước: Bắt nguồn từ vùng đồi cao 300 - 400 m thuộc xã Cam Nghĩa, Cam Chính (huyện Cam Lộ) chảy qua phía Nam thành phố Đông Hà ở phường Đông Lương rồi đổ vào sông Thạch Hãn tại Km5 đường sông, tính từ ngã ba Gia Độ ở xã Triệu Độ (huyện Triệu Phong). Sông có diện tích lưu vực 183 km<sup>2</sup>, chiều dài 45 km, chiều rộng trung bình 50 - 70 m, lưu lượng trung bình 9,56 m<sup>3</sup>/s. Đây là con sông cung cấp nguồn nước sinh hoạt cho thành phố Đông Hà.

- Ngoài các con sông chính trên địa bàn thành phố Đông Hà còn có các hồ như: hồ Khe Mây, hồ Khe Sấn, hồ Trung Chi, hồ Km6, hồ Đại An, hồ Công



viên... được phân bố đều khắp trên địa bàn thành phố, góp phần tạo cảnh quan thiên nhiên, điều hòa vi khí hậu, điều tiết lưu vực dòng chảy, phát triển du lịch sinh thái cho thành phố.

## **1.2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên**

### **1.2.1. Tài nguyên đất**

Theo kết quả điều tra nông hoá thổ nhưỡng, đất đai của thành phố Đông Hà chủ yếu gồm các loại đất sau: Đất Feralit trên sa phiến, đất phù sa bồi, phù sa không được bồi, đất phù sa Flay.

- Đất phù sa Glây (Pg): Phân bố rải rác ở các khu vực trồng lúa (thuộc các phường Đông Lễ, Đông Lương, Đông Giang, Đông Thanh) có diện tích khoảng 200 ha, là loại đất thích hợp trồng lúa.

- Đất phù sa được bồi hàng năm (Pb): Phân bố tập trung ở các vùng khu vực triền sông Hiếu, sông Vĩnh Phước, diện tích khoảng 500 ha, đây là loại đất thích hợp cho việc trồng cây lương thực, cây ăn quả và cây công nghiệp.

- Đất Feralit nâu vàng phát triển trên phiến sét (Fs): Phân bố tập trung ở khu vực Tây và Tây Nam thành phố. Diện tích đất này chiếm diện tích khoảng 3.500 ha, thích hợp trồng cây lâm nghiệp, cây ăn quả và phát triển đồng cỏ chăn nuôi.

Đặc điểm chung của các loại đất trên là bị chua phèn, độ pH dao động từ 4,5 - 6,5 nên độ phì kém.

### **1.2.2. Tài nguyên nước**

- Nguồn nước mặt: Nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt của nhân dân thành phố Đông Hà khá dồi dào, được cung cấp chủ yếu từ 3 hệ thống sông chính (sông Hiếu, sông Vĩnh Phước, sông Thạch Hãn) và các khe suối, hồ chứa... phân bố khá đều trên địa bàn thành phố. Ngoài các con sông kể trên Đông Hà còn có một số hồ đập nhân tạo phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, cải tạo môi trường và nuôi trồng thủy sản, như:

+ Hồ Trung Chỉ: Có diện tích lưu vực khoảng 3,2 km<sup>2</sup> phục vụ tưới cho gần 100 ha lúa của phường Đông Lương.

+ Hồ Khe Mây: Nằm ở phía Tây thành phố có diện tích lưu vực khoảng 6 km<sup>2</sup> phục vụ nước tưới cho 30 - 35 ha lúa, nuôi trồng thủy sản.

+ Hồ Đại An: Có diện tích lưu vực 4,18 ha là hồ điều hòa cho khu vực Phường 5, gồm các tuyến Hàm Nghi, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Chí Thanh, Tôn Thất Thuyết.

- Nguồn nước ngầm: Theo tài liệu đánh giá của Sở Khoa học và Công nghệ vùng trung tâm thành phố và khu vực đất đồi tầng ngầm nghèo. Nguồn nước ngầm mạch nông tồn tại ở vùng đất trũng thuộc khu vực tràm tích phù sa. Không có nguồn nước ngầm ở mạch nông nhưng có thể khai thác nguồn nước ngầm mạch sâu cách thành phố khoảng 12 km về phía Đông Bắc, trữ lượng

nước tương ứng cấp C1 là 19.046m<sup>3</sup>/ngày, cấp C2 là 98.493m<sup>3</sup>/ngày, lưu lượng giếng khoan từ 15-19l/s.

### **1.2.3. Tài nguyên rừng**

- Hiện nay, thành phố Đông Hà có khoảng 2.285,17 ha đất lâm nghiệp (chiếm 58,17% tổng diện tích đất nông nghiệp), bao gồm: đất rừng sản xuất khoảng 2.209,11 ha, đất rừng phòng hộ khoảng 76,05 ha. Rừng tự nhiên bị chiến tranh hủy diệt và một phần do con người chặt phá để trồng rừng sản xuất nên diện tích còn không đáng kể. Do đó, cần duy trì ổn định diện tích đất rừng sản xuất, rừng cảnh quan gắn phát triển lâm nghiệp với phát triển du lịch, dịch vụ và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tỷ lệ che phủ năm 2022 là 18,32%, rừng của thành phố tuy giá trị về mặt kinh tế không lớn, song có ý nghĩa quan trọng trong việc điều hoà không khí, bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn, đặc biệt là việc tạo cảnh quan, phát triển các loại hình kinh tế dịch vụ, thương mại, du lịch thăm quan, nghỉ dưỡng sau này trên địa bàn.

### **1.2.4. Tài nguyên khoáng sản**

- Nguồn tài nguyên khoáng sản ở thành phố Đông Hà nghèo, chỉ có nguồn đất sét làm gạch ngói, trữ lượng nhỏ, phân bố rải rác ở các phường Đông Giang, Đông Thanh, Đông Lương và Phường 2. Do đó, khó thực hiện việc khai thác trên diện rộng, quy mô lớn.

- Ngoài ra, qua các đợt thăm dò địa chất trước đây cho biết trên khu vực thành phố Đông Hà có quặng sắt ở đồi Quai Vạc, sắt ở đường 9D (gần trung tâm thành phố), trữ lượng cũng không đáng kể.

### **1.2.5. Tài nguyên nhân văn**

- Thành phố Đông Hà là vùng đất được hình thành từ xa xưa, do những biến động của lịch sử nên Đông Hà có nhiều thế hệ làng, xã ra đời sớm muộn khác nhau. Trước năm 1306, vùng đất phía Nam sông Hiếu là lãnh thổ của Vương quốc Chăm Pa, trong khi đó vào năm 1069, phía Bắc sông Hiếu vẫn là đất của huyện Vĩnh Linh dưới thời Đại Việt. Vào thế kỷ thứ XVIII, Lê Quý Đôn viết Phủ tạp lục, Đông Hà là đất thuộc huyện Đăng Xương, phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hoá. Vào thế kỷ thứ XIX, theo Đồng Khánh dư địa chí, Đông Hà là đất của 2 huyện (phía bắc thuộc huyện Thành Hoá, tổng An Lạc; phía Nam sông Hiếu thuộc tổng An Đôn, huyện Đăng Xương). Qua thời gian, các làng, xóm vẫn giữ được hệ thống giếng Chăm và nhiều cổ vật, bằng chứng của sự cư trú của nhiều dân tộc, đây cũng là một đặc điểm trong tổng thể văn hoá Quảng Trị nằm ở dải hội tụ hai phong cách văn hoá Việt và Chăm Pa.

- Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, nhân dân thành phố Đông Hà có truyền thống đấu tranh anh dũng, đóng góp nhiều sức người, sức của trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, có tinh thần đoàn kết, lao động cần cù, sáng tạo. Trong công cuộc xây dựng đất nước, Đảng bộ và nhân dân thành phố tiếp tục phát huy truyền thống anh hùng cách mạng, tự lực, tự cường, vượt qua khó khăn, thử

thách giành được nhiều thành tích trong mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng Đảng, Mặt trận và các đoàn thể.

### **1.3. Hiện trạng môi trường**

#### **1.3.1. Môi trường không khí**

Ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn thành phố Đông Hà tập trung chủ yếu, liên tục ở hoạt động giao thông bởi các phương tiện lưu thông phát sinh các chất ô nhiễm như: Bụi, CO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>x</sub>, hơi xăng, dầu và độ ồn. Chủ yếu tập trung tại các tuyến đường có nhiều phương tiện lưu thông như Quốc lộ 1A, Quốc lộ 9, đường Hùng Vương và tại các nút giao thông (ngã ba, ngã tư).

Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích tại 09 vị trí trong 2 đợt gồm: KK1 (ngã 5 - Viên thông Quảng Trị); KK2 (ngã tư giao giữa đường Hùng Vương và Quốc lộ 9); KK3 (công cụm công nghiệp Đông Lễ); KK4 (bến xe trung tâm thành phố Đông Hà) và KK5 (điểm giao nhau giữa Quốc lộ 9 và Trần Hưng Đạo), KK6 (ngã tư giao nhau giữa đường Lý Thường Kiệt và Hùng Vương), KK7 (ngã tư giao nhau giữa đường Hùng Vương và Điện Biên Phủ), KK8 (ngã ba giao giữa đường Quốc lộ 1A và Hoàng Diệu), KK9 (Gần khu vực thi công cầu kết nối khu đô thị Bắc sông Hiếu với Trung tâm thành phố Đông Hà) cho thấy: Tất cả các thông số quan trắc chất lượng môi trường không khí đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Cụ thể:

- Độ ồn và độ bụi: Độ ồn và độ bụi tại các vị trí quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 05:2013/BTNMT.

- Các thông số khí độc (SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO): Các thông số khí độc tại tất cả các vị trí đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT.

Nhìn chung, chất lượng môi trường không khí trên địa bàn thành phố Đông Hà chưa bị ô nhiễm bởi bụi, các khí độc và ít có sự biến động đột biến.

#### **1.3.2. Môi trường nước**

- Môi trường nước mặt: Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích tại 11 vị trí quan trắc, gồm: NM1 (hồ Công viên Fidel), NM2 (hồ Lê Duẩn), NM3 (Khe Mụ Lén cách sông Vĩnh Phước khoảng 30m về phía thượng nguồn), NM4 (hồ Km6), NM5 (Khe nước chảy qua lò giết mổ gia súc phường Đông Lương), NM6 (sông Thạch Hãn tại Cầu Đại Lộc), NM7 (Tại sông Thạch Hãn, điểm tiếp nhận nguồn nước thải đổ ra từ khu vực nuôi tôm tập trung phường Đông Lương), NM8 (Tại kênh đập Đại Độ, điểm tiếp nhận nguồn nước thải đổ ra từ khu vực nuôi tôm tập trung phường Đông Giang), NM9 (Hói Chùa, phường Đông Thanh), NM10 (Hói Sông, phường Đông Giang), NM11 (Nước mặt tại kênh đập chảy qua cầu đường Nguyễn Biểu, phường Đông Lễ) cho thấy: Các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của cột B1 của QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột

B1: dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi, giao thông thủy). Riêng thông số TSS tại vị trí NM5, NM10 (đợt 1) vượt quy chuẩn. Cụ thể:

+ Giá trị pH: Giá trị pH có sự biến thiên nhưng tương đối ổn định tại các vị trí.

+ Thông số TSS: Số lượng vị trí quan trắc có thông số TSS vượt quy chuẩn giám.

+ Thông số DO, BOD<sub>5</sub>: Nồng độ DO và BOD<sub>5</sub> trong tất cả các vị trí đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn và tương đối ổn định.

+ Thông số COD và mật độ Coliform: Nồng độ COD và mật độ Coliform trong tất cả các vị trí đều nằm trong giới hạn cho phép cột B1 của QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

Nhìn chung, chất lượng nước mặt trên địa bàn thành phố Đông Hà chưa bị ô nhiễm (riêng thông số TSS tại một số vị trí vào một số thời điểm quan trắc khá cao) và có xu hướng tốt hơn.

- Môi trường nước dưới đất: Trên địa bàn thành phố Đông Hà có 04 vị trí quan trắc môi trường nước dưới đất, gồm: NN20 (tại KCN Nam Đông Hà); NN31 (tại khu dân cư phía Đông bãi rác Đông Hà); NN36b (tại khu vực Phường 2) và NN58 (tại khu vực nghĩa trang liệt sỹ đường 9). Kết quả quan trắc cho thấy: Phần lớn các thông số phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất, cụ thể:

+ Thông số pH và nồng độ TDS: Giá trị pH và nồng độ TDS tại các vị trí phần lớn đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 09-MT:2015/BTNMT. Riêng giá trị pH vị trí NN31 có giá trị nằm ngoài giới hạn cho phép của quy chuẩn.

+ Thông số NO<sub>3</sub>-N và Fe: Nồng độ NO<sub>3</sub>-N và Fe trong tất cả các vị trí đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 09-MT:2015/BTNMT. Nồng độ NO<sub>3</sub>-N tại vị trí NN36b, NN58 và nồng độ Fe tại vị trí NN20 có giá trị cao hơn so với các vị trí còn lại.

+ Mật độ Coliform: Mật độ Coliform quan trắc tại các vị trí đều thấp.

Như vậy, chất lượng nước dưới đất trên địa bàn thành phố Đông Hà chưa có dấu hiệu ô nhiễm các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và có xu hướng tốt hơn.

### ***1.3.3. Hiện trạng chất thải rắn***

- Chất thải rắn sinh hoạt: Năm 2023 tổng khối lượng thu gom chất thải rắn sinh hoạt của thành phố là 34.500 tấn và đã được Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Đông Hà tiến hành thu gom, xử lý. Hiện tại Đông Hà có bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh tại Phường 3, cách trung tâm thành phố 7 km về phía Tây, hình thức xử lý là chôn lấp hợp vệ sinh. Tuy nhiên, hệ thống xử lý nước rỉ rác chưa được đầu tư hoàn chỉnh đã và đang có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường khu vực.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trên địa bàn thành phố Đông Hà khoảng 1.700 tấn/năm, riêng khu công nghiệp Nam Đông Hà và cụm công nghiệp Đông Lễ và cụm công nghiệp Phường 4 phát sinh khoảng 1.620 tấn/năm. Thành phần chất thải rắn chủ yếu là gỗ vụn, gỗ tạp, vãi vụn, mùn cưa, dăm bào, tro, đá vôi, phế liệu từ quá trình gia công sửa chữa cơ khí, vỏ bao xi măng rách, tấm lợp phibroximăng bị vỡ, bao bì, hộp giấy hư hỏng, các sản phẩm không đạt chất lượng. Hiện nay, chất thải rắn công nghiệp thông thường chủ yếu do các cơ sở tự thu gom, tái sử dụng hay bán phế liệu, chỉ có 2 đơn vị có hợp đồng với Công ty Cổ phần Công trình và Môi trường Đô thị Đông Hà vận chuyển đi xử lý là Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị và Công ty TNHH MTV dụng cụ du lịch Jinquan Việt Nam.

- Chất thải rắn nguy hại:

+ Đối với hoạt động công nghiệp: Khối lượng phát sinh khoảng 8 tấn/năm. Hiện nay, các cơ sở có lượng phát sinh lớn đã chủ động thu gom, lưu giữ trong khuôn viên và hợp đồng với các đơn vị có năng lực xử lý chất thải công nghiệp nguy hại (Công ty TNHH MTV môi trường đô thị Hà Nội - Chi nhánh Miền Trung; Công ty TNHH Môi trường Phú Hà tại Phú Thọ; Công ty TNHH Môi Trường Á Châu tại thành phố Hồ Chí Minh; Công ty Cổ phần Cơ điện Môi trường Lilama Quảng Ngãi) để vận chuyển đi xử lý.

+ Đối với hoạt động y tế: Tổng khối lượng chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh khoảng 50 tấn/năm. Chất thải rắn y tế được thu gom, vận chuyển và xử lý bằng phương pháp đốt hoặc qua hệ thống xử lý chất thải y tế lây nhiễm bằng công nghệ vi sóng: Chất thải rắn y tế của Bệnh viện Đa khoa tỉnh một phần được Công ty Phú Hà - Hà Tĩnh vận chuyển đi xử lý với tần suất là 2 ngày/lần, một phần được xử lý bằng lò vi sóng STERILWAVE 440 với công suất 40 kg/m<sup>3</sup> (thời gian xử lý 45 phút/m<sup>3</sup>) ngay tại Bệnh viện; chất thải rắn y tế của các cơ sở khác cũng được xử lý tại bệnh viện Đa khoa tỉnh. Chất thải rắn y tế của Bệnh xá Công an tỉnh, bệnh viện chuyên khoa Lao và Bệnh phổi Quảng Trị được đốt tại lò đốt của mỗi đơn vị.

+ Chất thải rắn nguy hại trong hoạt động nông nghiệp: Chất thải rắn nông nghiệp nguy hại phát sinh chủ yếu từ trồng trọt bao gồm các loại bao bì thuốc bảo vệ thực vật. Tổng khối lượng bao bì thuốc bảo vệ thực vật phát sinh trên địa bàn thành phố khoảng 0,6 tấn. Hầu hết các chai lọ, bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng được vứt tại đồng ruộng như trên các trục đường nội đồng, các kênh mương nơi pha thuốc, một số khu vực được thu gom vào các bể bê tông. Tuy nhiên, hình thức xử lý chủ yếu là đốt ngay trong bể hoặc khu vực xung quanh. Như vậy, việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp được đầu tư các bể để thu gom các loại bao bì, chai lọ sau sử dụng nhưng chưa có phương án xử lý thích hợp. Về lâu dài, cần có biện pháp xử lý các bao bì, chai lọ này đảm bảo môi trường và đúng quy định.

Nhìn chung, công tác quản lý môi trường ở địa phương trong những năm gần đây đã được quan tâm đúng mức. Thành phố đã phối hợp với các ngành

chức năng tổ chức kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh môi trường; giám sát việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn. Chỉ đạo thống kê các cơ sở gây ô nhiễm môi trường để có kế hoạch di dời. Triển khai thực hiện các dự án cải thiện môi trường đô thị Miền Trung (vốn ADB), dự án thoát nước đô thị WB đã xây dựng được hệ thống thoát nước chính, hệ thống thoát nước trong các khu dân cư, trạm xử lý nước thải tập trung, bãi chôn lấp tập trung, các điểm tập kết rác tạm thời và tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý tại bãi chôn lấp rác.

Tuy nhiên, cùng với sự gia tăng dân số và quá trình đô thị hóa đã ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường sinh thái:

- Thiếu các công trình xử lý nước thải tại khu cụm công nghiệp, nước thải sinh hoạt và hệ thống công thoát nước chưa đồng bộ.

- Tình trạng ô nhiễm do khói bụi, khí độc và tiếng ồn do các phương tiện giao thông vận tải và các hoạt động sản xuất tiêu thủ công nghiệp, chợ ở một số khu vực ngày càng có xu hướng tăng lên.

- Môi trường khu dân cư, môi trường nước đang có hiện tượng bị ô nhiễm do nước thải sinh hoạt, chăn nuôi, rác thải, khí thải của các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp...

- Vấn đề cấp thoát nước, xử lý rác thải trên địa bàn thành phố là những vấn đề bức xúc ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường cần có những biện pháp cụ thể để xử lý.

- Mặt khác, trong quá trình sản xuất nông nghiệp đã sử dụng một lượng lớn phân bón hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật nên môi trường đất, nước, không khí ít nhiều đã bị ô nhiễm ở những mức độ khác nhau.

#### **1.4. Dân số, lao động và việc làm**

- Quy mô, cơ cấu và chất lượng dân số: Theo số liệu thống kê, dân số trung bình năm 2023 thành phố Đông Hà 102.477 người, chiếm 15,66% dân số toàn tỉnh, mật độ dân số khoảng 1.402 người/km<sup>2</sup>; mật độ phân bố cũng không đồng đều, chủ yếu tập trung ở khu vực trung tâm thành phố.

- Trong những năm qua công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đã có nhiều chuyển biến tích cực trong chỉ đạo điều hành, truyền thông, cung cấp dịch vụ nên đã đạt được nhiều kết quả tích cực.

- Năm 2023, tổng số lao động trong độ tuổi khoảng 64.789 người chiếm khoảng 63,22% dân số toàn thành phố, trong đó lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 52.985 người (Nông, lâm, thủy sản: 4.150 người; công nghiệp và xây dựng: 15.992 người; dịch vụ: 32.844 người); có 92,17% lao động đang làm việc trong các ngành công nghiệp, kinh doanh, thương mại dịch vụ. Cơ cấu lao động theo ngành chuyển dịch theo xu hướng tích cực, tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm dần, lao động công nghiệp và dịch vụ ngày càng tăng cao.

- Thông qua các kênh giới thiệu việc làm, cho vay vốn theo gói kích cầu của Chính phủ và trên cơ sở kết hợp nhiều nguồn vốn mở rộng sản xuất kinh

doanh của các thành phần kinh tế, trong năm 2023 tổng số lao động được tạo việc làm mới là 1.546 người, trong đó: Lao động trong tỉnh: 1.151 người; lao động ngoại tỉnh: 340 người; xuất khẩu lao động: 55 người.

## **1.5. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội**

### **1.5.1. Phát triển kinh tế**

#### *- Về nông nghiệp*

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm năm 2023 thực hiện 2.153,5 ha bằng 98,8% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, diện tích lúa thực hiện 1.854,6 ha, giảm 24 ha và bằng 98,7% so với năm 2022, diện tích gieo trồng cây thực phẩm rau màu và hoa các loại năm 2023 thực hiện 289,9 ha, giảm 2,1 ha và bằng 99,3% so với cùng kỳ năm trước. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thành phố năm 2023 thực hiện 104,9 ha giảm 11,3 ha so với cùng kỳ năm trước; thời tiết diễn biến phức tạp, nắng nóng kéo dài trong vụ nuôi tôm đã làm dịch bệnh bùng phát trên diện rộng, làm giảm sản lượng tôm và gây thiệt hại lớn cho người nuôi tôm, năm 2023 sản lượng nuôi tôm ước đạt 105 tấn/KH 200 tấn.

Diện tích rừng trồng mới tập trung là 32,4 ha, bằng 36,5% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là rừng trồng mới của các hộ gia đình và các hợp tác xã trên diện tích đã khai thác trong năm. UBND thành phố đã tổ chức Lễ phát động ra quân Tết trồng cây năm 2023; tăng cường phối hợp quản lý giống cây lâm nghiệp; triển khai nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2023; trong đó tập trung chỉ đạo các phường, các chủ rừng xây dựng, bổ sung phương án nhằm chủ động trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trong mùa khô năm 2023. Chỉ đạo hướng dẫn các cơ sở, doanh nghiệp triển khai thực hiện Chương trình OCOP năm 2023 theo nội dung kế hoạch đề ra.

#### *- Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp*

Sản xuất CN-TTCN trên địa bàn duy trì ổn định, nhịp độ tăng trưởng khá. Phần lớn các doanh nghiệp đã có sự chủ động trong sản xuất, đẩy mạnh cải tiến công nghệ, máy móc, thiết bị, tìm kiếm mở rộng thị trường để tiêu thụ sản phẩm... Một số ngành sản xuất ổn định và tăng trưởng khá như: chế biến thực phẩm, mộc mỹ nghệ, gia công đồ sắt, nhôm kính.

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2023 ước thực hiện 4.986 tỷ đồng, đạt 98,9% kế hoạch năm và tăng 9,4% so với năm 2022. Công tác khuyến công được quan tâm. Thành phố tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ hoạt động khuyến công, tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình phục hồi sản xuất.

#### *- Về thương mại - dịch vụ*

Năm 2023, hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển, diễn ra sôi động và có tốc độ tăng trưởng khá. Chợ Đông Hà duy trì hoạt động ổn định; các chợ phường phát huy tốt vai trò phục vụ dân sinh; các hoạt động xúc tiến thương mại, trưng bày, giới thiệu, quảng bá sản phẩm được chú trọng; tại các siêu thị, cửa hàng, kinh doanh phố chợ đã tăng cường thực hiện các chương trình khuyến

mại hấp dẫn để tăng doanh thu bán hàng, đáp ứng tốt nhu cầu người dân. Các loại hình dịch vụ phát triển đa dạng; lãi suất ngân hàng có xu hướng giảm dần, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn để duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh. Hoạt động du lịch, dịch vụ lưu trú, lữ hành, vận tải phục hồi nhanh, các loại hình phục vụ cho vui chơi, giải trí phát triển đa dạng góp phần phục vụ các nhu cầu đời sống của Nhân dân. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ ước thực hiện năm 2023 đạt 10.500 tỷ đồng, tăng 13% so với năm trước và đạt 98,2% kế hoạch.

Công tác quản lý nhà nước về thương mại được tăng cường. UBND thành phố đã triển khai kế hoạch kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực thương mại, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nhãn hàng hóa; tổ chức các hoạt động hưởng ứng “Ngày quyền của người tiêu dùng Việt Nam” năm 2023; tích cực đề ra các giải pháp đề sớm đưa Khu ẩm thực và chợ đêm Phường 2 hoạt động trở lại. Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh cho các hộ kinh doanh cá thể đảm bảo theo đúng quy định.

*- Huy động nguồn lực và đầu tư phát triển*

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 theo kế hoạch là 394.164 triệu đồng, bao gồm: Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 30.000 triệu đồng; Ngân sách tỉnh: 56.774 triệu đồng (trong đó chuyển nhiệm vụ chi 2022 sang 2023: 774 triệu đồng); vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn do thành phố quản lý là 307.390 triệu đồng (theo Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Đông Hà về Kế hoạch đầu tư công năm 2023). Nguồn vốn đã phân bổ theo kế hoạch: 370.689 triệu đồng, cụ thể: Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 30.000 triệu đồng; Ngân sách tỉnh: 56.774 triệu đồng; Nguồn vốn ngân sách thành phố: 283.915 triệu đồng.

**1.5.2. Văn hóa - xã hội**

- Giáo dục và đào tạo: Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển giáo dục - đào tạo thành phố Đông Hà giai đoạn 2022 - 2026, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch triển khai chương trình giáo dục phổ thông, sách giáo khoa mới đến năm 2025; Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025. Cơ sở vật chất, thiết bị trường học tiếp tục được quan tâm đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học; công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường học kiểu mẫu và kiểm định chất lượng tiếp tục được quan tâm. Chỉ đạo các đơn vị trường học chủ động rà soát cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; rà soát, bố trí đội ngũ hợp lý để đảm bảo các điều kiện thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 4 và lớp 8. Làm việc với Đoàn kiểm tra công tác phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong giáo dục phổ thông; tiếp tục đổi mới công tác quản trị, tăng quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục. Công tác giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên được quan tâm; thực hiện tuyên sinh và khai giảng các lớp nghề cho lao động trên địa bàn thành phố theo kế hoạch.

*- Văn hoá thông tin và thể dục thể thao:*



+ Tập trung chỉ đạo các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng các sự kiện chính trị nổi bật của quê hương, đất nước; tuyên truyền về các hoạt động chào mừng kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2023) và mừng xuân Quý Mão năm 2023; kỷ niệm 78 năm Cách mạng tháng Tám (19/8/1945 - 19/8/2023) và Lễ Quốc khánh (2/9/1945 - 2/9/2023); triển khai các hoạt động kỷ niệm 50 năm sự kiện lãnh tụ Cuba - Fidel Castro tới thăm vùng giải phóng miền Nam Việt Nam tại Quảng Trị (9/1973 - 9/2023) và tuyên truyền kỷ niệm 100 năm ngày sinh Đại tướng Đoàn Khuê, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (29/10/1923 - 29/10/2023) theo chỉ đạo của tỉnh. Thực hiện tốt công tác trang trí Tết Quý Mão 2023; tổ chức các hoạt động vui Tết, dọn Xuân đã tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong Nhân dân.

+ Tập trung thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; chỉ đạo triển khai xây dựng thành phố, phường đạt chuẩn đô thị văn minh và đăng ký xây dựng tuyến phố văn minh đô thị năm 2023. Tổ chức thành công các cuộc thi, liên hoan và giải đua xe đạp thành phố Đông Hà mở rộng lần thứ III năm 2023 - Cúp Huda. Tiếp tục hoàn thiện Đề án đặt tên, điều chỉnh điểm đầu điểm cuối một số tuyến đường và đặt tên các cầu trên địa bàn thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị năm 2023.

+ Công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên; thực hiện các phóng sự, chuyên mục, tin, bài phát thanh truyền hình về các hoạt động chào mừng kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam; hoạt động vui Tết, đón xuân Quý Mão 2023; tuyên truyền công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19; các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, giáo dục, quốc phòng, an ninh, gương người tốt, việc tốt của thành phố.

- Triển khai xây dựng Đô thị thông minh và chuyển đổi số: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh và chuyển đổi số. Triển khai thực hiện và đưa vào sử dụng các hạng mục dự án Hạ tầng thực hiện Đề án xây dựng đô thị thông minh thành phố Đông Hà giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030, bước đầu đem lại hiệu quả cao, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành của thành phố. Tổ chức tập huấn kỹ năng sử dụng các ứng dụng công nghệ số cho các Tổ công nghệ số cộng đồng phường, khu phố và tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ công chức thuộc UBND thành phố. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tần số và thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện trong địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Y tế, kế hoạch hóa gia đình: Công tác khám chữa bệnh được duy trì và đảm bảo quy chế chuyên môn, quản lý thuốc đúng quy định. Thành phố đã tổ chức các đoàn đến thăm các đơn vị y tế nhân kỷ niệm 68 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam. Tăng cường kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể trên địa bàn; triển khai kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm dịp Tết Trung thu năm 2023; tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế như: Chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hoá gia đình, tiêm chủng mở rộng, y tế trường học, vệ sinh môi trường, vệ sinh

an toàn thực phẩm. Triển khai thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn theo hướng dẫn của Sở Y tế, Bộ Y tế; tổ chức tiêm vắc xin đảm bảo an toàn và hiệu quả. Tăng cường cung cấp thông tin và dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình; đẩy mạnh công tác truyền thông về dân số. Kiểm tra, chấn chỉnh hoạt động hành nghề y tế tư nhân.

- An sinh xã hội, lao động việc làm, xóa đói giảm nghèo, công tác trẻ em, bình đẳng giới: Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14, ngày 09/12/2020 của UBTV Quốc Hội khóa XIV về ưu đãi người có công với cách mạng và Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; tổ chức tốt các hoạt động nhân kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2023). Công tác an sinh xã hội được tập trung thực hiện; lập thủ tục chi trả tiền trợ cấp một lần, hàng tháng và các chế độ liên quan đến các đối tượng chính sách người có công, bảo trợ xã hội theo quy định. Công tác tạo việc làm mới cho người lao động đã được triển khai thực hiện hiệu quả, dự ước đến cuối năm 2023, tạo việc làm mới cho trên 1.950 lao động, đạt 100% kế hoạch đề ra; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 73%; giảm tỷ lệ hộ nghèo 0,25%. Công tác trẻ em, bình đẳng giới, phòng chống tệ nạn xã hội được tập trung chỉ đạo; thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế đảm bảo cho các đối tượng. Tiếp tục thực hiện công tác giải quyết người lang thang xin ăn, sinh sống nơi công cộng trên địa bàn thành phố Đông Hà.

## **1.6. Nhận xét chung**

### **1.6.1. Thuận lợi**

- Thành phố Đông Hà có vị trí địa lý thuận lợi, là trung tâm chính trị, kinh tế, khoa học, kỹ thuật, văn hoá của tỉnh Quảng Trị, tạo cho thành phố Đông Hà có nhiều thuận lợi trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Có địa hình đa dạng, kết cấu địa chất ổn định, khí hậu phù hợp phát triển một một đô thị hiện đại.

- Các khu điểm dịch vụ vui chơi, du lịch nghỉ dưỡng đã và được tỉnh, thành phố quan tâm quy hoạch, đầu tư phát triển, ngày càng được khai thác có hiệu quả làm thay đổi bộ mặt kinh tế của thành phố.

- Cơ chế chính sách đầu tư có nhiều thay đổi theo hướng thông thoáng, cởi mở hơn và được sự quan tâm của trung ương, của tỉnh trong việc thực hiện các công trình đầu tư tại địa phương, đặc biệt là trong các lĩnh vực giao thông, hạ tầng văn hoá phúc lợi công cộng.

- Các lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm đầu tư nhiều, đời sống nhân dân được cải thiện, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, an ninh quốc phòng được giữ vững.

### **1.6.2. Những khó khăn, hạn chế**

- Điều kiện tự nhiên, khí hậu khắc nghiệt, tài nguyên khoáng sản hầu như không có; xuất phát điểm của nền kinh tế thấp, khó khăn trong việc huy động vốn đầu tư phát triển.

- Địa hình không bằng phẳng, có độ dốc lớn, đất dễ bị thoái hoá rửa trôi, xói mòn (khu vực cao thì khan hiếm nước, khu vực thấp thì dễ bị ngập úng) khó khăn cho canh tác nông nghiệp, đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở.

- Nguồn nước khá phong phú, tuy nhiên chất lượng nước kém (nguồn nước ngầm khó sử dụng, nhiễm phèn; nguồn nước mặt thường bị nhiễm mặn vào mùa khô) làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá còn chậm. Khu vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chưa có bước đột phá trong việc đầu tư công nghệ, trang thiết bị dẫn đến chất lượng, hiệu quả trong sản xuất còn thấp. Các dự án đầu tư nước ngoài vào thành phố so với các đô thị khác trong nước còn ít, đặc biệt là không có những dự án có số vốn đầu tư lớn.

- Tiến độ quy hoạch, thực hiện quy hoạch một số khu đô thị còn chậm; thực hiện đầu tư theo quy hoạch chưa đồng bộ; hệ thống công viên cây xanh, thể thao, du lịch... còn thiếu so với sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và công tác quản lý đô thị còn bộc lộ nhiều bất cập.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

### 2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

#### 2.1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2023

Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất của thành phố Đông Hà đến hết năm 2023, được thể hiện ở bảng dưới đây:

**Bảng 2.1.** Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>7.308,53</b>	<b>7.308,53</b>	<b>0,00</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>3.717,27</b>	<b>3.914,29</b>	<b>197,02</b>	<b>105,30</b>
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	958,03	1.042,34	84,32	108,80
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>953,84</i>	<i>1.032,56</i>	<i>78,72</i>	<i>108,25</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	409,75	438,38	28,63	106,99
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	10,87	13,01	2,14	119,65
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	76,05	75,91	-0,14	99,82
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.113,23	2.203,23	90,00	104,26
	<i>Trong đó: Đất có rừng SX là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	117,87	119,05	1,18	101,00
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	31,46	22,36	-9,10	71,07
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3.327,69</b>	<b>3.125,08</b>	<b>-202,61</b>	<b>93,91</b>

	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	116,10	116,10	0,00	100,00
2.2	Đất an ninh	CAN	27,01	27,01	0,00	100,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	80,95	98,75	17,80	121,99
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	18,39	25,01	6,62	136,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	98,43	89,82	-8,60	91,26
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	14,79	14,79	0,00	100,00
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-
2.8	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	23,54	0,53	-23,01	2,24
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.430,98	1.308,13	-122,85	91,41
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT	820,70	704,89	-115,81	85,89
-	Đất thủy lợi	DTL	97,05	97,22	0,16	100,17
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,02	4,02	0,00	100,00
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	33,51	29,59	-3,92	88,30
-	Đất XD cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	86,60	85,91	-0,69	99,20
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	15,96	15,96	0,00	100,00
-	Đất công trình năng lượng	DNL	5,12	4,67	-0,45	91,20
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,30	1,30	0,00	100,00
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,35	0,35	0,00	100,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	27,08	27,08	0,00	100,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	14,03	14,03	0,00	100,00
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	315,43	315,64	0,21	100,07
-	Đất XD cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,07	0,07	0,00	100,00
-	Đất chợ	DCH	9,77	7,42	-2,35	75,96
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	12,53	12,57	0,04	100,32
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	83,50	52,07	-31,44	62,35
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	817,29	767,66	-49,63	93,93
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	40,90	40,43	-0,47	98,85
2.16	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	17,87	17,87	0,00	100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	15,86	15,83	-0,03	99,81
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	381,14	381,12	-0,02	99,99
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	148,28	157,26	8,98	106,06
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,13	0,13	0,00	100,00
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>263,57</b>	<b>269,15</b>	<b>5,59</b>	<b>102,12</b>

**- Đất nông nghiệp**

Kế hoạch được duyệt năm 2023 là 3.717,27 ha, giảm 210,91 ha so với năm 2022, kết quả thực hiện là 13,89 ha, đạt 6,59% so với kế hoạch. Cụ thể:

+ Đất trồng lúa: Kế hoạch được duyệt năm 2023 là 958,03 ha, giảm 87,38 ha so với năm 2022, kết quả thực hiện 3,06 ha, đạt 3,50% so với kế hoạch.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: Kế hoạch được duyệt năm 2023 là 409,75 ha, giảm 33,41 ha so với năm 2022, kết quả thực hiện 4,78 ha, đạt 14,31% so với kế hoạch.

+ Đất trồng cây lâu năm: Kế hoạch được duyệt năm 2023 là 10,87 ha, giảm 2,16 ha so với năm 2022, kết quả thực hiện 0,02 ha, đạt 0,93% so với kế hoạch.

+ Đất rừng phòng hộ: Kế hoạch được duyệt năm 2023 là 76,05 ha, giảm 0,14 ha so với năm 2022, do cập nhật lại hiện trạng đất rừng phòng hộ theo Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 của UBND tỉnh.

+ Đất rừng sản xuất: Kế hoạch được duyệt năm 2023 là 2.113,23 ha, giảm 95,88 ha so với năm 2022, kết quả thực hiện 5,88 ha, đạt 6,13% so với kế hoạch.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: Kế hoạch được duyệt năm 2023 là 117,87 ha, giảm 1,18 ha so với năm 2022, kết quả thực hiện 1,18 ha, chưa đạt so với kế hoạch.

+ Đất nông nghiệp khác: Kế hoạch được duyệt năm 2023 là 31,46 ha, tăng 9,10 ha so với năm 2022, kết quả thực hiện 0,00 ha, chưa đạt so với kế hoạch.

Một số chỉ tiêu đất nông nghiệp đạt tỷ lệ còn thấp, do trong năm 2023 đất nông nghiệp theo chỉ tiêu giảm 210,91 ha. Tuy nhiên, trong năm 2023 chỉ thực hiện được 13,89 ha, diện tích chưa thực hiện là 197,02 ha do đó chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

**- Đất phi nông nghiệp**

Kế hoạch được duyệt năm 2023 là 3.327,69 ha, tăng 217,52 ha so với năm 2022, kết quả thực hiện là 14,91 ha, đạt 6,85% so với kế hoạch. Cụ thể:

+ Đất quốc phòng: Kế hoạch được duyệt năm 2023 là 116,10 ha, so với năm 2022 không có sự biến động, diện tích năm 2023 là 116,10 ha.

+ Đất an ninh: Kế hoạch được duyệt năm 2023 là 27,01 ha, so với năm 2022 không có sự biến động, diện tích năm 2023 là 27,01 ha.

+ Đất khu công nghiệp: Kế hoạch được duyệt năm 2023 là 80,95 ha, so với năm 2022 không có sự biến động, diện tích đất khu công nghiệp năm 2023 là 98,75 ha, tăng 17,80 ha do cập nhật lại hiện trạng đất hạ tầng kỹ thuật (hệ thống giao thông, xử lý nước thải...) trong khu công nghiệp sang đất khu công nghiệp.

+ Đất cụm công nghiệp: Kế hoạch được duyệt năm 2023 là 18,39 ha, tăng 0,45 ha so với năm 2022, Diện tích đất cụm công nghiệp năm 2023 là 25,01 ha,

tăng 0,45 ha, do cập nhật lại hiện trạng đất hạ tầng kỹ thuật (hệ thống giao thông, xử lý nước nước thải...) trong cụm công nghiệp sang đất cụm công nghiệp.

+ Đất thương mại, dịch vụ: Kế hoạch được duyệt năm 2023 là 98,43 ha, tăng 8,60 ha so với năm 2022, kết quả thực hiện 0,00 ha, chưa đạt so với kế hoạch.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Kế hoạch năm 2023 được duyệt là 14,79 ha, so với năm 2022 không có sự biến động, diện tích năm 2023 là 14,79 ha, đạt 100,00% so với kế hoạch.

+ Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Kế hoạch năm 2023 được duyệt là 23,54 ha, giảm 23,01 ha so với năm 2022, kết quả thực hiện 0,00 ha, chưa đạt so với kế hoạch.

+ Đất phát triển hạ tầng: Kế hoạch năm 2023 được duyệt là 1.430,98 ha, tăng 107,80 ha so với năm 2022, kết quả thực hiện 15,05 ha, đạt 13,96% so với kế hoạch.

+ Đất sinh hoạt cộng đồng: Kế hoạch năm 2023 được duyệt là 12,53 ha, giảm 0,04 ha so với năm 2022, kết quả thực hiện 0,00 ha chưa đạt so với kế hoạch.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Kế hoạch năm 2023 được duyệt là 83,50 ha, tăng 31,85 ha so với năm 2022, kết quả thực hiện là 0,41 ha, đạt 1,29% so với kế hoạch.

+ Đất ở tại đô thị: Kế hoạch năm 2023 được duyệt là 817,29 ha, tăng 54,61 ha so với năm 2022, kết quả thực hiện 4,98 ha, đạt 9,12% so với kế hoạch.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Kế hoạch năm 2023 được duyệt là 40,90 ha, tăng 0,61 ha so với năm 2022, kết quả thực hiện 0,14 ha, đạt 22,95% so với kế hoạch.

+ Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Kế hoạch năm 2023 được duyệt là 17,87 ha, so với năm 2022 không có sự biến động, diện tích năm 2023 là 17,87 ha.

+ Đất tín ngưỡng: Kế hoạch năm 2023 được duyệt là 15,86 ha, giảm 0,08 ha so với năm 2022, kết quả thực hiện 0,11 ha, đạt 72,73% so với kế hoạch.

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Kế hoạch năm 2023 được duyệt là 381,14 ha, giảm 0,31 ha so với năm 2022, kết quả thực hiện là 0,33 ha, đạt 93,94% so với kế hoạch.

+ Đất có mặt nước chuyên dùng: Kế hoạch năm 2023 được duyệt là 148,28 ha, giảm 8,98 ha so với năm 2022, kết quả thực hiện 0,00 ha, chưa đạt so với kế hoạch.

+ Đất phi nông nghiệp khác: Kế hoạch năm 2023 được duyệt là 0,13 ha, so với năm 2022 không có sự biến động, diện tích năm 2023 là 0,13 ha.

Một số chỉ tiêu đất phi nông nghiệp đạt tỷ lệ thấp, do kế hoạch năm 2023 đất phi nông nghiệp chỉ tiêu tăng 217,52 ha. Tuy nhiên, trong năm 2023 chỉ thực hiện được 14,91 ha, chỉ tiêu còn lại chưa thực hiện là 202,61 ha do một số công trình trọng điểm của tỉnh, của thành phố và công trình trình thu hút đầu tư đưa vào kế hoạch trong năm 2023 nhưng chưa thực hiện hoặc mới thực hiện một phần, cụ thể: Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây - giai đoạn 1; Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà; Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà; Khu đô thị Tân Vĩnh; Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu giai đoạn 1; Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2; Khu nhà ở đô thị, kết hợp nhà ở xã hội, Khu CN Nam Đông Hà; Khu dân cư Nam Sông Hiếu - Phường 4; Khu đô thị mới Phường 1; Bệnh viện đa khoa TTH Đông Hà; Khu sinh thái Hồ Méc...

### **- Đất chưa sử dụng**

+ Kế hoạch năm 2023 được duyệt là 263,57 ha, giảm 6,62 ha so với năm 2022, kết quả thực hiện là 1,03 ha, đạt 15,57% so với kế hoạch.

+ Năm 2023, thực hiện Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị, UBND thành phố Đông Hà đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các phường tiến hành rà soát, thống kê quỹ đất do UBND phường quản lý (BCS), đề tiến hành đo đạc, cắm mốc, rà soát quy hoạch và đưa vào sử dụng đối với quỹ đất này. Đây là một trong những nội dung quan trọng, nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố, tránh tình trạng người dân lấn chiếm, sử dụng quỹ đất này không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vẫn chưa đạt được kết quả so với kế hoạch đề ra.

### **2.1.2. Kết quả thực hiện các công trình, dự án năm 2023**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Đông Hà được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 24/3/2023, với 141 công trình, dự án; phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 12/6/2023, với 01 công trình, dự án; phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 28/6/2023, với 02 công trình, dự án; phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 21/7/2023, với 01 công trình, dự án. Như vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Đông Hà có 145 danh mục dự án được phê duyệt. Kết quả thực hiện các công trình, dự án trong năm 2023 như sau:

- Tổng số dự án đưa ra khỏi kế hoạch là 30 dự án, trong đó:
  - + 18 dự án đã hoàn thành;
  - + 02 dự án chủ đầu tư không đăng ký chuyển tiếp vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024;
  - + 01 dự án không khả thi;
  - + 01 dự án hết thời gian thực hiện;
  - + 05 dự án kết thúc vào ngày 31/12/2023;
  - + 01 dự án xin chủ trương điều chỉnh cắt giảm quy mô dự án;

+ 01 dự án thực hiện vào một dự án khác;

+ 01 dự án không đảm bảo vị trí xây dựng theo quy định.

*(Chi tiết công trình, dự án có Phụ biểu 01 kèm theo Báo cáo thuyết minh)*

- Tổng số công trình, dự án chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 115 dự án, trong đó:

+ 47 dự án thu hồi đất: trong đó, 27 dự án đang thực hiện; 20 dự án chưa thực hiện *(Mức độ triển khai thực hiện dự án chi tiết có Phụ biểu 02 kèm theo Báo cáo thuyết minh)*;

+ 68 dự án giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất;

*(Chi tiết công trình, dự án có Phụ biểu 03 kèm theo Báo cáo thuyết minh)*

### **2.1.3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân**

Theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 của thành phố Đông Hà tại Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 27/4/2021, thì chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đến năm 2030 là 29,74 ha. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất đến năm 2023 là 3,76 ha (trong đó: năm 2021 là 2,04 ha, năm 2022 là 1,17 ha, năm 2023 là 0,55 ha), diện tích còn lại chưa thực hiện chuyển mục đích là 25,98 ha.

**Bảng 2.4. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân**

TT	Tên đơn vị hành chính	Chỉ tiêu QHSD đất đến năm 2030 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện (ha)			Chỉ tiêu chưa thực hiện (ha)
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	
1	Phường 1	1,70	0,05	0,12	0,07	1,46
2	Phường 2	2,82	0,07	0,15	0,04	2,56
3	Phường 3	3,00	0,04	0,10	0,01	2,85
4	Phường 4	2,32	0,04	0,07	0,00	2,21
5	Phường 5	1,00	0,40	0,15	0,15	0,30
6	Phường Đông Thanh	3,49	0,12	0,04	0,06	3,27
7	Phường Đông Giang	7,57	0,26	0,14	0,03	7,14
8	Phường Đông Lễ	2,33	0,18	0,11	0,10	1,94
9	Phường Đông Lương	5,51	0,88	0,29	0,09	4,25
	<b>Cộng</b>	<b>29,74</b>	<b>2,04</b>	<b>1,17</b>	<b>0,55</b>	<b>25,98</b>

Tóm lại: Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, kế hoạch sử dụng đất đã có những tác động tích cực như sau:

- Việc chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố đã theo sát và về cơ bản đạt được các chỉ tiêu do tỉnh phê duyệt. Quá trình sử dụng đất dựa trên những quan điểm khai thác, sử dụng hợp lý, có



hiệu quả, tiết kiệm quỹ đất và bảo vệ chống thoái hoá đất, đáp ứng được các yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2021 - 2025.

- Công tác quản lý đất đai theo kế hoạch sử dụng đất ngày càng chặt chẽ, góp phần tích cực vào việc sử dụng đất hợp lý và có hiệu quả.

- Nhận thức về vị trí, vai trò của công tác lập kế hoạch sử dụng đất và ý thức chấp hành kế hoạch sử dụng đất của các cấp chính quyền đã được nâng lên, việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện phù hợp với kế hoạch sử dụng đất của địa phương.

- Thông qua kế hoạch sử dụng đất đã phát huy tính dân chủ, công khai, giảm được tiêu cực trong công tác quản lý đất đai. Công tác lập kế hoạch sử dụng đất trở thành một trong những công cụ quan trọng của các cấp chính quyền để quản lý, sử dụng và chỉ đạo khai thác đất đai có hiệu quả hơn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội, đẩy nhanh phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, xây dựng khu đô thị mới, mở rộng không gian đô thị, về cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển đưa thành phố Đông Hà đạt đô thị loại II.

## **2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023**

- Công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 còn có những hạn chế nhất định, chưa dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho các mục đích sử dụng, nhất là đất cho các công trình dự án phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, dự án đầu tư phát triển các khu đô thị mới, dự án giao thông có vốn đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương dẫn đến phải điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất (như dự án: Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà; Dự án GPMB để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Q lộ 9 đoạn từ cảng Cửa Việt đến Q lộ 1, ...).

- Kế hoạch sử dụng đất được lập cho một năm nên chỉ phản ánh được nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch mà không đảm bảo được tính khả thi của các dự án đăng ký thực hiện do không thể chủ động nắm bắt được khả năng về vốn của chủ đầu tư, đặc biệt là những dự án có nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách, dẫn đến tính khả thi chưa cao. Nhiều công trình, dự án đăng ký thực hiện nhưng do không có vốn hoặc chậm làm thủ tục nên chưa triển khai thực hiện được theo Kế hoạch sử dụng đất đã duyệt.

- Chính sách đầu tư, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vẫn còn những tồn tại nhất định, dẫn tới thời gian triển khai các dự án phải kéo dài.

- Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội những năm qua gặp nhiều khó khăn đã tác động lớn đến việc thực hiện kế hoạch và thu hút đầu tư trên địa bàn.

### 2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn do biến động của giá đất trên thị trường dẫn đến người sử dụng đất có đất bị thu hồi không đồng ý với giá bồi thường của nhà nước đã làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. Mặt khác, các dự án đan xen giữa dự án nhà nước thu hồi đất và dự án nhà đầu tư tự thỏa thuận thu hồi đất dẫn đến chênh lệch về giá bồi thường cũng gặp nhiều khó khăn trong công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với các dự án thu hồi theo Điều 61, Điều 62 Luật Đất đai 2013.

- Thiếu các giải pháp khả thi để thực hiện kế hoạch sử dụng đất được duyệt, đặc biệt là do không cân đối đủ nguồn vốn bố trí cho các công trình dự án thực hiện trong năm kế hoạch và công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất gặp nhiều khó khăn, tiến độ triển khai chậm.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các cơ quan, đơn vị nhiều trường hợp còn chủ quan, không tiên lượng được khả năng đảm bảo nguồn vốn cho công trình dự án, nên nhiều công trình dự án đã có trong danh mục kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt nhưng không có khả năng thực hiện.

- Do ảnh hưởng của thị trường bất động sản (con sốt đất cuối năm 2022) đẩy giá đất lên cao đã ảnh hưởng đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án. Mặt khác công tác tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất cũng gặp khó khăn do giá sàn cao, các phiên đấu giá do chính quyền tổ chức cũng rơi vào đình trệ, vắng người tham gia đấu.

- Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất, do đó phải lùi tiến độ thực hiện.

## III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

### 3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở phương án quy hoạch sử dụng đất thành phố Đông Hà đến năm 2030, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố 05 năm 2021 - 2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố năm 2024 và tiềm năng đất đai hiện có, chỉ tiêu sử dụng đất thành phố Đông Hà năm 2024 như sau:

**Bảng 3.1. Chỉ tiêu các loại đất thành phố Đông Hà năm 2024**

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>7.308,53</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>3.710,62</b>	<b>50,77</b>
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	957,55	13,10

	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	952,87	13,04
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	409,96	5,61
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6,03	0,08
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	75,91	1,04
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.120,19	29,01
	<i>Trong đó: Đất có rừng SX là rừng tự nhiên</i>	RSN	-	0,00
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	106,91	1,46
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	34,06	0,47
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3.359,34</b>	<b>45,96</b>
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	115,17	1,58
2.2	Đất an ninh	CAN	27,01	0,37
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	98,75	1,35
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	25,84	0,35
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	100,24	1,37
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	14,78	0,20
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0,53	0,01
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1.469,32	20,10
	<i>Trong đó:</i>			
-	Đất giao thông	DGT	813,63	11,13
-	Đất thủy lợi	DTL	144,04	1,97
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,10	0,06
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	34,51	0,47
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	87,63	1,20
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	15,96	0,22
-	Đất công trình năng lượng	DNL	4,98	0,07
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,30	0,02
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,35	0,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	27,08	0,37
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	14,03	0,19
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà HT	NTD	311,99	4,27
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,07	0,00
-	Đất chợ	DCH	9,67	0,13
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	12,53	0,17
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	89,33	1,22

2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	817,29	11,18
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	41,04	0,56
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	17,87	0,24
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	15,75	0,22
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	365,90	5,01
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	147,86	2,02
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,13	0,00
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>238,57</b>	<b>3,26</b>

### 3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

#### 3.2.1. Đất nông nghiệp

- Tiếp tục phát triển các mô hình đầu tư thâm canh, đa dạng các loại cây trồng, lựa chọn giống mới năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt; đầu tư phát triển các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm; đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản, vùng trồng hoa ở các vùng chuyên canh.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích đất nông nghiệp là 3.710,62 ha, chiếm 50,77% diện tích tự nhiên, diện tích giảm 203,67 ha so với năm 2023, cụ thể:

##### 3.2.1.1. Đất trồng lúa

Năm 2024, diện tích trồng lúa là 957,55 ha, giảm 84,79 ha, do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình: Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà; Xây dựng CSHT khu dân cư dãy 2 đường Khóa Bảo và đường Thành Cổ, Phường 3 (giai đoạn 2); Xây dựng CSHT khu tái định cư Phường 3 (giai đoạn 2); Xây dựng CSHT khu tái định cư Tây đường Hùng Vương (giáp cầu Vĩnh Phước); Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương; Hoàn thiện CSHT khu dân cư hai bên đường Phạm Hồng Thái; Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông - Tây, tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1 (đoạn qua thành phố Đông Hà); Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà; Khu dân cư Nam Sông Hiếu phường 4, TP Đông Hà; Bệnh viện đa khoa TTH Đông Hà ...

##### 3.2.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác

Năm 2024, diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 409,96 ha; giảm 28,42 ha (trong đó các hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích sang đất ở là 5,51 ha), do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình: Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà; Xây dựng CSHT khu tái định cư Tây đường Hùng Vương (giáp cầu Vĩnh Phước); Đường Lê Thánh Tông (Đoạn Lê Lợi - Hùng Vương); Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2; Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà; Khu nhà ở đô thị, kết hợp nhà ở xã hội, Khu CN Nam Đông Hà...

**3.2.1.3. Đất trồng cây lâu năm**

Năm 2024, diện tích đất trồng cây lâu năm là 6,03 ha, giảm 6,98 ha (trong đó các hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích sang đất ở là 0,18 ha), do chuyển đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà; Xây dựng CSHT khu tái định cư Tây đường Hùng Vương (giáp cầu Vĩnh Phước); Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà...

**3.2.1.4. Đất rừng phòng hộ**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất trong năm 2023 là 75,91 ha. Năm 2024, đất rừng phòng hộ không có sự biến động, diện tích giữ nguyên hiện trạng là 75,91 ha.

**3.2.1.5. Đất rừng sản xuất**

Năm 2024, diện tích đất rừng sản xuất là 2.120,19 ha, giảm 83,04 ha, do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện dự án Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương; Khu đô thị Tân Vĩnh; Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà; Khu nhà ở đô thị, kết hợp nhà ở xã hội, Khu CN Nam Đông Hà...

**3.2.1.6. Đất nuôi trồng thủy sản**

Năm 2024, diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 106,91 ha, giảm 12,14 ha, do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện dự án Khu đô thị Tân Vĩnh; Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà; Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà...

**3.2.1.7. Đất nông nghiệp khác**

Năm 2024, diện tích đất nông nghiệp khác là 34,06 ha, tăng 11,70 ha so với năm 2023 để Xây dựng vườn ươm giống cây lâm nghiệp công nghệ cao tại Phường 4 và thực hiện dự án Vùng trồng hoa chấu tập trung tại phường Đông Giang (chuyển mục đích sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp).

**3.2.2. Đất phi nông nghiệp**

Năm 2024, diện tích đất phi nông nghiệp là 3.359,34 ha, chiếm 45,96% diện tích tự nhiên, tăng 234,26 ha so với năm 2023, trong đó:

**3.2.2.1. Đất quốc phòng**

Năm 2024, diện tích đất quốc phòng là 115,17 ha, giảm 0,93 ha, do thu hồi đất để thực hiện dự án khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà.

**3.2.2.2. Đất an ninh**

Năm 2024, diện tích đất an ninh là 27,01 ha, trong năm kế hoạch đất an ninh không có sự biến động.

**3.2.2.3. Đất khu công nghiệp**

Năm 2024, diện tích đất khu công nghiệp là 98,75 ha, trong năm kế hoạch đất khu công nghiệp không có sự biến động.

#### 3.2.2.4. Đất cụm công nghiệp

Năm 2024, diện tích đất cụm công nghiệp là 25,84 ha, tăng 0,83 ha, do thu hồi đất rừng sản xuất, để thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp 9D.

#### 3.2.2.5. Đất thương mại, dịch vụ

Năm 2024, diện tích đất thương mại, dịch vụ là 100,24 ha, tăng 10,41 ha, trong đó thu hồi 0,13 ha đất thương mại dịch vụ để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn thành phố; thu hồi 10,54 ha (trong đó: Đất trồng lúa 3,28 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,93 ha; đất rừng sản xuất 2,60 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,78 ha; đất giao thông 0,33 ha; đất thủy lợi 0,25 ha; đất nghĩa địa 0,50 ha; đất ở tại đô thị 0,67 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,55 ha; đất chưa sử dụng 0,57 ha) để xây dựng các công trình thương mại, dịch vụ, cụ thể:

- Thu hồi 1,90 ha đất thực hiện Dự án khu sinh thái hồ Méc tại Phường 2.
- Thu hồi 0,94 ha đất xây dựng các hạng mục liên quan đến thương mại, dịch vụ Khu dân cư Nam Sông Hiếu phường 4, thành phố Đông Hà.
- Thu hồi 4,42 ha đất xây dựng các hạng mục liên quan đến thương mại, dịch vụ khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà.
- Thu hồi 2,07 ha đất xây dựng các hạng mục liên quan đến thương mại, dịch vụ Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương.
- Chuyển mục đích 0,07 ha từ đất ở tại đô thị sang đất thương mại dịch vụ để xây dựng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị.
- Thu hồi 1,14 ha đất xây dựng các hạng mục liên quan đến thương mại, dịch vụ khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2.

#### 3.2.2.6. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Năm 2024, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 14,78 ha, giảm 0,01 ha để chuyển sang đất ở tại đô thị.

#### 3.2.2.7. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

Năm 2024, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 0,53 ha, trong năm kế hoạch đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm không có sự biến động.

#### 3.2.2.8. Đất phát triển hạ tầng

##### a. Đất giao thông

Năm 2024, diện tích đất giao thông là 813,63 ha, tăng 108,74 ha. Trong đó, thu hồi 8,70 ha đất giao thông để thực hiện các công trình trên địa bàn thành phố; thu hồi 117,44 ha (trong đó: Đất trồng lúa 52,31 ha; đất trồng cây hàng năm khác 8,87 ha; đất trồng cây lâu năm 1,05 ha; đất rừng sản xuất 29,28 ha; đất nuôi trồng thủy sản 3,68 ha; đất quốc phòng 0,93 ha; đất thủy lợi 1,95 ha; đất nghĩa địa 1,09 ha; đất ở tại đô thị 7,75 ha; đất tín ngưỡng 0,06 ha; đất sông suối 0,90

ha; đất có mặt nước chuyên dùng 2,78 ha; đất chưa sử dụng 6,46 ha) để xây dựng các công trình, dự án giao thông, cụ thể:

- Thu hồi 0,09 ha đất xây dựng đường kèp 2 bên cầu vượt Đông Hà do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 5,00 ha đất để chỉnh trang đô thị khu vực Trung tâm thành phố Đông Hà do UBND thành phố làm chủ đầu tư do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,54 ha đất để xử lý nút giao thông nguy hiểm do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,04 ha đất xây dựng đường Đinh Tiên Hoàng (đoạn Tạ Quang Bửu đến Trần Nhật Duật) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 6,37 ha đất xây dựng đường hai đầu cầu dây văng Sông Hiếu giai đoạn 1 do Ban QLDA ĐTXD tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,13 ha đất xây dựng CSHT KDC khu phố Tây Trì, Phường 1 do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,02 ha đất xây dựng đường Trần Bình Trọng (đoạn từ đập ngăn mặn đến QL 9 - bổ sung kết nối giao thông của Trường Tiểu học Lý Tự Trọng) do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,15 ha đất để hoàn thiện CSHT khu dân cư phía Tây đường Khóa Bảo do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 1,34 ha đất để xây dựng CSHT khu dân cư dãy 2 đường Khóa Bảo và đường Thành Cổ, Phường 3 (giai đoạn 2) do Trung tâm PTQĐ thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,80 ha đất để xây dựng CSHT khu tái định cư Phường 3 (giai đoạn 2) do Trung tâm PTQĐ thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 4,39 ha đất để xây dựng Khu dân cư Nam Sông Hiếu phường 4, thành phố Đông Hà.

- Thu hồi 0,30 ha đất xây dựng đường Đặng Trần Côn (đoạn từ đường Hùng Vương đến Hàm Nghi) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,23 ha đất xây dựng đường quanh hồ Trung Chỉ do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 1,64 ha đất xây dựng đường Lê Thánh Tông (Đoạn Lê Lợi - Hùng Vương) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,41 ha đất xây dựng đường Trần Quang Khải (đoạn từ Hàn Mặc Tử tới Lê Thánh Tông) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,06 ha đất xây dựng đường Vành đai cứu hộ cứu nạn phía Tây thành phố Đông Hà (Đường nối từ đường Nguyễn Du đến đường Trần Bình Trọng) do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,30 ha đất xây dựng đường Trường Chinh nối dài (đoạn từ đường Nguyễn Du đến đường Nguyễn Chí Thanh) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 0,02 ha đất xây dựng Vĩa hè và hệ thống thoát nước đường Lý Thường Kiệt do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 0,03 ha đất để xây dựng đường Kiệt 120 Tôn Thất thuyết (đường Thanh Tịnh) do UBND Phường 5 làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 0,63 ha đất xây dựng đường Trần Nguyên Hãn, thành phố Đông Hà (giai đoạn 2) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 0,34 ha đất thực hiện Dự án GPMB để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng QL9 đoạn từ cảng Cửa Việt đến QL1 (bổ sung) do Ban QLDA ĐTXD tỉnh làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 3,36 ha đất xây dựng Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2 do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 0,12 ha đất xây dựng đường Tuệ Tĩnh và CSHT khu dân cư 2 bên tuyến do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 0,04 ha đất xây dựng đường Trường Chinh (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Hùng Vương) do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 32,15 ha đất xây dựng đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông - Tây, tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1 (đoạn qua thành phố Đông Hà) do Ban QLDA ĐTXD tỉnh làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 18,93 ha đất xây dựng đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà do Sở GTVT làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 0,42 ha đất xây dựng hạ tầng KDC hai bên đường Phạm Hồng Thái (giai đoạn 2) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 1,50 ha đất để hoàn thiện CSHT khu dân cư hai bên đường Phạm Hồng Thái do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 0,50 ha để thực hiện dự án Thoát nước khu dân cư và nâng cấp đường Nguyễn Thiện Thuật do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 10,50 ha đất để xây dựng Khu nhà ở đô thị, kết hợp nhà ở xã hội, Khu CN Nam Đông Hà do Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Sài Gòn Thành Đạt làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 0,01 ha đất xây dựng đường nối từ đường Điện Biên Phủ đến đường Nguyễn Hữu Khiếu do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 1,40 ha đất xây dựng Khu đô thị Tân Vĩnh do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 24,48 ha đất xây dựng Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.



- Thu hồi 2,50 ha đất xây dựng CSHT khu tái định cư Tây đường Hùng Vương (giáp cầu Vĩnh Phước) do UBND thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 10,14 ha đất để xây dựng Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương.

- Thu hồi 2,21 ha đất để hoàn thiện 47 m và các hạ tầng khu tái định cư Bắc Sông Hiếu do Trung tâm PTQĐ thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,13 ha đất xây dựng CSHT Khu vực Bắc Sông Hiếu (giai đoạn 1) do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

#### b. Đất thủy lợi

Năm 2024, diện tích đất thủy lợi là 144,04 ha, tăng 46,82 ha so với năm 2023. Trong đó, thu hồi 3,83 ha đất thủy lợi để xây dựng các công trình dự án trên địa bàn thành phố; thu hồi 50,65 ha (trong đó: Đất trồng lúa 4,76 ha; đất trồng cây hàng năm khác 5,56 ha; đất trồng cây lâu năm 3,77 ha; đất rừng sản xuất 0,73 ha; đất nuôi trồng thủy sản 1,21 ha; đất giao thông 2,80 ha; đất nghĩa địa 1,16 ha; đất ở tại đô thị 1,43 ha; đất tín ngưỡng 0,09 ha; đất sông suối 13,40 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 2,69 ha; đất chưa sử dụng 13,05 ha) để thực hiện các công trình thủy lợi, cụ thể:

- Thu hồi 51,02 ha đất để thực hiện Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà do UBND thành phố Đông Hà làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,65 ha đất xây dựng Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương.

- Thu hồi 1,68 ha đất để xây dựng Hệ thống thoát nước khu vực Trường THCS Phan Đình Phùng và Khu phố 2 Phường 5 do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

#### c. Đất xây dựng cơ sở văn hóa

Năm 2024, diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa là 4,10 ha, tăng 0,08 ha, (được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 0,02 ha; đất ở tại đô thị 0,01 ha; đất chưa sử dụng 0,05 ha) để xây dựng công trình Công, tường rào Nhà văn hóa Khu phố 9, phường Đông Lễ.

#### d. Đất xây dựng cơ sở y tế

Năm 2024, diện tích đất xây dựng cơ sở y tế là 34,51 ha, tăng 4,92 ha, (được lấy từ đất trồng lúa 3,80 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,80 ha; đất giao thông 0,14 ha; đất thủy lợi 0,10 ha; đất chưa sử dụng 0,08 ha) để xây dựng công trình:

- Thu hồi 4,92 ha để xây dựng Bệnh viện đa khoa TTH Đông Hà tại Phường 2.

- Thực hiện giao đất xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội và Phục hồi chức năng cho người khuyết tật tỉnh Quảng Trị (1,0 ha) do Sở Lao động Thương binh và xã hội làm chủ đầu tư.

## đ. Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo

Năm 2024, diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo là 87,63 ha, tăng 1,72 ha. Trong đó, thu hồi 0,40 ha đất cơ sở giáo dục - đào tạo để xây dựng công trình dự án trên địa bàn thành phố; thu hồi 2,12 ha (trong đó: Đất trồng lúa 0,20 ha; đất rừng sản xuất 0,93 ha; đất thương mại dịch vụ 0,08 ha; đất nghĩa địa 0,64 ha; đất ở tại đô thị 0,08 ha; đất sông ngòi 0,03 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,06 ha; đất chưa sử dụng 0,10 ha) để xây dựng công trình:

- Chuyển mục đích 0,08 ha từ đất thương mại dịch vụ sang đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo để xây dựng Trường Mầm non Hạnh Phúc tại Phường 1 do Cty TNHH MTV Ngọc Anh Quảng Trị làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,37 ha đất xây dựng trường học trong Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương.

- Thu hồi 0,87 ha đất xây dựng trường học trong Khu nhà ở đô thị, kết hợp nhà ở xã hội, Khu CN Nam Đông Hà.

- Thu hồi 0,80 ha đất để xây dựng trường học trong khu đô thị Bắc Sông Hiếu giai đoạn 2 do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư.

## e. Đất năng lượng

Năm 2024, diện tích đất năng lượng là 4,98 ha, tăng 0,31 ha (được lấy từ đất trồng lúa 0,06 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,05 ha; đất trồng cây lâu năm 0,05 ha; đất rừng sản xuất 0,03 ha; đất ở tại đô thị 0,02 ha; đất chưa sử dụng 0,10 ha) để xây dựng công trình Cải tạo và phát triển lưới điện hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Trị.

## f. Đất công trình bưu chính, viễn thông

Năm 2024, đất công trình bưu chính, viễn thông là 1,30 ha, trong năm kế hoạch đất công trình bưu chính, viễn thông không có sự biến động.

## g. Đất có di tích lịch sử - văn hóa

Năm 2024, đất có di tích lịch sử - văn hóa là 0,35 ha, trong năm kế hoạch đất có di tích lịch sử - văn hóa không có sự biến động.

## h. Đất bãi thải, xử lý chất thải

Năm 2024, đất bãi thải, xử lý chất thải là 27,08 ha, trong năm kế hoạch đất bãi thải, xử lý chất thải không có sự biến động.

## i. Đất cơ sở tôn giáo

Năm 2024, đất cơ sở tôn giáo là 14,03 ha, trong năm kế hoạch đất cơ sở tôn giáo không có sự biến động.

## j. Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

Năm 2024, diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà HT là 311,99 ha, giảm 3,65 ha. Trong đó, thu hồi 6,54 ha đất nghĩa địa để xây dựng các công trình dự án trên địa bàn thành phố; thu hồi 2,89 ha (trong đó: Đất rừng sản xuất 2,16 ha; đất giao thông 0,67 ha; đất sông suối 0,06 ha) để Mở rộng nghĩa trang nhân

dân thành phố tại Phường 4 (giai đoạn 1) do Trung tâm KC&DV công ích Đông Hà làm chủ đầu tư.

k. Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội

Năm 2024, đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội là 0,07 ha, trong năm kế hoạch đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội không có sự biến động.

m. Đất chợ

Năm 2024, diện tích đất chợ là 9,67 ha, tăng 2,25 ha (được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 1,11 ha; đất đất nuôi trồng thủy sản 0,14 ha; đất giao thông 0,21 ha; đất thủy lợi 0,23 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,07 ha; đất nghĩa địa 0,01 ha; đất ở tại đô thị 0,30 ha; đất chưa sử dụng 0,13 ha) để thực hiện GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá QSD đất thực hiện dự án chợ và khu phố chợ Phường 5 do Trung tâm PTQĐ thành phố làm chủ đầu tư.

3.2.2.9. Đất sinh hoạt cộng đồng

Năm 2024, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng là 12,53 ha, giảm 0,04 ha, do chuyển sang đất ở tại đô thị.

3.2.2.10. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

Năm 2024, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng là 89,33 ha, tăng 37,27 ha. (được lấy từ đất trồng lúa 4,09 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,63 ha; đất rừng sản xuất 18,15 ha; đất nuôi trồng thủy sản 4,80 ha; đất giao thông 1,11 ha; đất thủy lợi 0,40 ha; đất nghĩa địa 1,17 ha; đất ở tại đô thị 1,88 ha; đất sông ngòi 0,15 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 1,47 ha; đất chưa sử dụng 2,82 ha) để xây dựng các công trình, dự án mới, các khu công viên cây xanh, khu vui chơi, giải trí công cộng, cụ thể:

- Thu hồi 0,22 ha đất xây dựng Xây dựng Công viên mini trên địa bàn thành phố: Vườn hoa mini đường Nguyễn Trung Trực (Phường 3) do Trung tâm KC&DV công ích Đông Hà làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,06 ha đất Xây dựng Công viên mini trên địa bàn thành phố: Vườn hoa mini đường Đào Duy Anh và đường Chu Văn An (phường Đông Lương) do Trung tâm KC&DV công ích Đông Hà làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 1,06 ha đất để xây dựng công viên cây xanh, công cộng thuộc khu đô thị Bắc sông Hiếu, giai đoạn 2 do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 4,00 ha đất để xây dựng công viên cây xanh thuộc khu đô thị Tân Vĩnh do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 23,90 ha đất để xây dựng công viên cây xanh, công cộng trong khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 6,22 ha đất để xây dựng công viên cây xanh công cộng trong Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương.

- Giao đất thực hiện dự án công viên đường Hùng Vương 3,84 ha do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 1,25 ha đất để xây dựng công viên cây xanh công cộng trong Khu nhà ở đô thị, kết hợp nhà ở xã hội, Khu CN Nam Đông Hà.

- Thu hồi 0,56 ha đất để xây dựng công viên cây xanh, công cộng trong Khu dân cư Nam Sông Hiếu phường 4, thành phố Đông Hà.

### 3.2.2.11. Đất ở tại đô thị

Năm 2024, diện tích đất ở tại đô thị là 817,29 ha, tăng 49,62 ha. Trong đó thu hồi 12,14 ha đất ở tại đô thị để thực hiện xây dựng các công trình trên địa bàn thành phố; thu hồi 61,76 ha (trong đó: Đất trồng lúa 13,91 ha; đất trồng cây hàng năm khác 9,84 ha; đất trồng cây lâu năm 1,43 ha; đất rừng sản xuất 19,21 ha; đất nuôi trồng thủy sản 1,53 ha; đất thương mại, dịch vụ 0,05 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,01 ha; đất giao thông 3,34 ha; đất thủy lợi 0,84 ha; đất nghĩa địa 1,94 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,04 ha; đất tín ngưỡng 0,01 ha; đất sông suối 0,63 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 1,80 ha; đất chưa sử dụng 7,18 ha) để thực hiện các công trình, cụ thể:

- Thu hồi 3,45 ha đất để thực hiện đấu giá các lô lẻ trong khu dân cư trên địa bàn các phường do Trung tâm PTQĐ thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,13 ha đất xây dựng khu dân cư mới Phường 1 do Sở Xây dựng làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,50 ha để hoàn thiện CSHT các lô đất lẻ trong khu dân cư (giai đoạn 2) do Trung tâm PTQĐ thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 1,90 ha đất xây dựng CSHT khu tái định cư Phường 3 do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,58 ha đất xây dựng CSHT KDC đường Bà Triệu do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,16 ha đất xây dựng CSHT khu dân cư phía Tây đường Kháo Bảo (giai đoạn 3) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 1,86 ha để xây dựng CSHT khu dân cư dãy 2 đường Khóa Bảo và đường Thành Cổ, Phường 3 (giai đoạn 2) do Trung tâm PTQĐ thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 4,11 ha đất xây dựng Khu dân cư Nam Sông Hiếu phường 4, thành phố Đông Hà.

- Thu hồi 5,7 ha đất xây dựng Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2 do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,03 ha đất xây dựng CSHT KDC khu phố 1A, phường Đông Lễ do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,16 ha đất xây dựng hạ tầng KDC hai bên đường Phạm Hồng Thái (giai đoạn 2) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 3,90 ha đất để Hoàn thiện CSHT khu dân cư hai bên đường Phạm Hồng Thái do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 12,40 ha đất xây dựng Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 12,23 ha đất xây dựng Khu nhà ở đô thị, kết hợp nhà ở xã hội, Khu CN Nam Đông Hà do Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Sài Gòn Thành Đạt làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 4,00 ha đất xây dựng CSHT khu tái định cư đường Hùng Vương (giáp cầu Vĩnh Phước) do UBND thành phố Đông Hà làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 7,35 ha đất xây dựng Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương.
- Ngoài ra, các hộ gia đình, cá nhân đăng ký xin chuyển mục đích sử dụng 5,75 ha từ đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm trong cùng thửa đất ở và một số thửa đất nằm xen kẹt trong khu dân cư sang mục đích đất ở tại đô thị.

#### *3.2.2.12. Đất xây dựng trụ sở cơ quan*

Năm 2024, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 41,04 ha, tăng 0,61 ha được lấy từ đất trồng lúa để thực hiện công trình, dự án sau:

- Thu hồi 0,61 ha đất để xây dựng các cơ quan, đơn vị trong Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2 do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.
- Xây dựng Trung tâm hành chính thành phố Đông Hà (1,19 ha) do UBND thành phố làm chủ đầu tư.

#### *3.2.2.13. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*

Năm 2024, diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 17,87 ha, trong năm kế hoạch đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp không có sự biến động.

#### *3.2.2.14. Đất tín ngưỡng*

Năm 2024, diện tích đất tín ngưỡng là 15,75 ha, giảm 0,08 ha. Trong đó, thu hồi 0,16 ha đất tín ngưỡng để thực hiện các công trình dự án trên địa bàn thành phố. Đồng thời, thu hồi 0,08 ha (trong đó: Đất trồng lúa 0,04 ha; đất rừng sản xuất 0,02 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,02 ha) để xây dựng cơ sở tín ngưỡng trong Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương.

Ngoài ra, Năm 2024, diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 15,22 ha; đất có mặt nước chuyên dùng giảm 9,40 ha; đất chưa sử dụng giảm 30,59 ha, do thu hồi để thực hiện các công trình dự án trên địa bàn thành phố.

### **3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất**

- Đất nông nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 3.914,29 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 3.698,92 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 3.710,62 ha, giảm 203,67 ha so với năm 2023, trong đó:

+ Đất trồng lúa: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 1.042,34 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 957,55 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 957,55 ha, giảm 84,79 ha so với năm 2023. Biến động giảm do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất nông nghiệp khác: 2,34 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 3,28 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 61,13 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 4,09 ha;
- Đất ở tại đô thị: 13,91 ha;
- Đất cơ sở tín ngưỡng 0,04 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 438,38 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 409,96 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 409,96 ha, giảm 28,42 ha so với năm 2023. Biến động giảm do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất thương mại, dịch vụ: 0,93 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 16,41 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,63 ha;
- Đất ở tại đô thị: 9,84 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,61 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 13,01 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 6,03 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 6,03 ha, giảm 6,98 ha so với năm 2023. Biến động giảm do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất thương mại, dịch vụ: 0,08 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 4,87 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,60 ha;
- Đất ở tại đô thị: 1,43 ha.

+ Đất rừng sản xuất: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 2.203,23 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 2.120,19 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 2.120,19 ha, giảm 83,04 ha so với năm 2023. Biến động giảm do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất nông nghiệp khác: 9,10 ha;
- Đất cụm công nghiệp: 0,83 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 2,60 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 33,13 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 18,15 ha;

- Đất ở tại đô thị: 19,21 ha;
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,02 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 119,05 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 106,91 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 106,91 ha, giảm 12,14 ha so với năm 2023. Biến động giảm do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất thương mại, dịch vụ: 0,78 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 5,03 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 4,80 ha;
- Đất ở tại đô thị 1,53 ha.

+ Đất nông nghiệp khác: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 22,36 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 22,36 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 34,06 ha, tăng 11,70 ha so với năm 2023. Biến động tăng do nhận từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa nước: 2,34 ha;
- Đất rừng sản xuất: 9,10 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 0,19 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,03 ha;
- Đất chưa sử dụng: 0,04 ha.

- Đất phi nông nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 3.125,08 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 3.067,58 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 3.359,34 ha, tăng 234,26 ha so với năm 2023. Cụ thể như sau:

+ Đất quốc phòng: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 116,10 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 115,17 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 115,17 ha, giảm 0,93 ha so với năm 2023. Biến động giảm do chuyển sang đất giao thông.

+ Đất cụm công nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 25,01 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 25,01 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 25,84 ha, tăng 0,83 ha so với năm 2023. Biến động tăng do nhận từ đất rừng sản xuất sang.

+ Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 89,82 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 89,69 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 100,24 ha, tăng 10,41 ha so với năm 2023. Biến động tăng 10,54 ha do nhận từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 3,28 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,93 ha;
- Đất rừng sản xuất: 2,60 ha;

- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,78 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 1,08 ha;
- Đất ở tại đô thị: 0,67 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,55 ha;
- Đất chưa sử dụng: 0,57 ha.

Đồng thời, trong kỳ kế hoạch đất thương mại, dịch vụ giảm 0,13 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất phát triển hạ tầng: 0,08 ha; đất ở tại đô thị: 0,05 ha.

+ Đất phát triển hạ tầng: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 1.308,13 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 1.288,66 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 1.469,32 ha, tăng 161,19 ha so với năm 2023. Biến động tăng 180,66 ha do nhận từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 61,13 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 16,41 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 4,87 ha;
- Đất rừng sản xuất: 33,13 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 5,03 ha;
- Đất quốc phòng: 0,93 ha;
- Đất giao thông: 3,82 ha;
- Đất thủy lợi: 2,28 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,40 ha;
- Đất nghĩa địa: 2,90 ha;
- Đất ở tại đô thị: 9,59 ha;
- Đất tín ngưỡng: 0,15 ha;
- Đất sông suối: 14,44 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 5,53 ha;
- Đất chưa sử dụng 19,97 ha.

Đồng thời, trong năm kế hoạch đất phát triển hạ tầng có biến động giảm 19,47 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất nông nghiệp khác: 0,19 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 1,08 ha;
- Đất giao thông: 3,37 ha;
- Đất thủy lợi: 3,96 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế: 0,24 ha;



- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,64 ha;
- Đất nghĩa địa: 0,67 ha;
- Đất chợ: 0,52 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 2,68 ha;
- Đất ở tại đô thị 6,12 ha.

+ Đất sinh hoạt cộng đồng: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 12,57 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 12,53 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 12,53 ha, giảm 0,04 ha so với năm 2023, do chuyển sang đất ở tại đô thị.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 52,07 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 52,07 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 89,33 ha, tăng 37,27 ha so với năm 2023. Biến động tăng do nhận từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 4,09 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,63 ha;
- Đất rừng sản xuất: 18,15 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 4,80 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 2,68 ha;
- Đất ở tại đô thị: 1,88 ha;
- Đất sông suối: 0,15 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 1,47 ha;
- Đất chưa sử dụng: 2,82 ha.

+ Đất ở tại đô thị: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 767,66 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 755,53 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 817,29 ha, tăng 49,62 ha so với năm 2023. Biến động tăng 61,76 ha do nhận từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 13,91 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 9,84 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 1,43 ha;
- Đất rừng sản xuất: 19,21 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 1,53 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 0,05 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,01 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 6,12 ha;

- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,04 ha;
- Đất tín ngưỡng: 0,01 ha;
- Đất sông suối: 0,63 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 1,80 ha;
- Đất chưa sử dụng 7,18 ha.

Đồng thời, trong năm kế hoạch đất ở tại đô thị có biến động giảm 12,14 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất thương mại, dịch vụ 0,67 ha; đất phát triển hạ tầng 9,59 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng 1,88 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 40,43 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 40,43 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 41,04 ha, tăng 0,61 ha so với năm 2023 do nhận từ đất trồng lúa sang.

+ Đất tín ngưỡng: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 15,83 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 15,67 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 15,75 ha, giảm 0,08 ha. Biến động giảm 0,16 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất phát triển hạ tầng: 0,15 ha;
- Đất ở tại đô thị: 0,01 ha.

Đồng thời, trong kỳ kế hoạch đất tín ngưỡng tăng 0,08 ha, do nhận từ các loại đất sau: Đất trồng lúa: 0,04 ha; đất rừng sản xuất: 0,02 ha; đất có mặt nước chuyên dùng: 0,02 ha.

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 381,12 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 365,90 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 365,90 ha, giảm 15,22 ha so với năm 2023 do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất phát triển hạ tầng: 14,44 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,15 ha;
- Đất ở tại đô thị: 0,63 ha;

+ Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 157,26 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 147,86 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 147,86 ha, giảm 9,40 ha so với năm 2023 do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất nông nghiệp khác: 0,03 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 0,55 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 5,53 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 1,47 ha;
- Đất ở tại đô thị: 1,80 ha.

- Đất chưa sử dụng: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 269,15 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 238,57 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 238,57 ha, giảm 30,59 ha so với năm 2023 do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất nông nghiệp khác: 0,04 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 0,57 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 19,97 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 2,82 ha;
- Đất ở tại đô thị: 7,18 ha;

*(Chi tiết có Biểu 13/CH kèm theo)*

### **3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích**

Tổng diện tích cần chuyển mục đích trong năm kế hoạch là 221,69 ha, trong đó: Diện tích chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án là 215,86 ha; diện tích chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân là 5,83 ha.

#### **3.4.1. Diện tích chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án**

- Trong năm 2024 cần chuyển 203,93 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình dự án, cụ thể:

+ Chuyển sang đất cụm công nghiệp: 0,83 ha.

+ Chuyển sang đất thương mại, dịch vụ: 7,67 ha.

+ Chuyển sang đất phát triển hạ tầng: 120,57 ha, (trong đó: Đất giao thông 95,19 ha; đất thủy lợi 16,03 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,02 ha; đất xây dựng cơ sở y tế 4,60 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo 1,13 ha; đất năng lượng 0,19 ha; đất nghĩa địa 2,16 ha; đất chợ 1,25 ha).

+ Đất khu vui chơi giải trí, công cộng: 28,27 ha.

+ Đất ở tại đô thị: 45,92 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,61 ha.

+ Đất tín ngưỡng: 0,06 ha.

- Các loại đất nông nghiệp chuyển sang mục đích phi nông nghiệp, cụ thể:

+ Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp: 82,45 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: 28,42 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 6,98 ha.

+ Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp: 73,94 ha.

+ Đất nuôi rồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp: 12,14 ha.

*(Chi tiết có Biểu 07/CH và Biểu 13/CH kèm theo)*

- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp: Chuyển 9,10 ha đất rừng sản xuất sang đất nông nghiệp khác (NKH) để Xây dựng vườn ươm giống cây lâm nghiệp công nghệ cao tại Phường 4.

(Có Biểu 07/CH kèm theo)

- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là 8,66 ha. Cụ thể:

- + Đất thương mại, dịch vụ: 0,05 ha.
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,01 ha.
- + Đất giao thông: 3,34 ha.
- + Đất thủy lợi: 0,84 ha.
- + Đất nghĩa địa: 1,94 ha.
- + Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,04 ha.
- + Đất tín ngưỡng: 0,01 ha.
- + Đất sông suối: 0,63 ha.
- + Đất có mặt nước chuyên dùng: 1,80 ha.
- + Đất chưa sử dụng: 7,18 ha.

(Có Biểu 07/CH và Biểu 13/CH kèm theo)

### **3.4.2. Diện tích chuyển mục đích cho hộ gia đình cá nhân**

- Trong năm 2024 nhu cầu đăng ký xin chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố là 5,83 ha, trong đó:

- + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất ở là 5,59 ha.
- + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất ở là 0,18 ha.
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 0,06 ha.

- Diện tích chuyển mục đích cho hộ gia đình, cá nhân theo các phường:

- + Phường 1: 0,32 ha;
- + Phường 2: 0,10 ha;
- + Phường 3: 0,64 ha;
- + Phường 4: 0,41 ha;
- + Phường 5: 0,86 ha;
- + Phường Đông Thanh: 0,28 ha;
- + Phường Đông Giang: 0,62 ha;
- + Phường Đông Lễ: 0,89 ha;
- + Phường Đông Lương: 1,71 ha.

Riêng đối với Phường 5, chỉ tiêu theo quy hoạch đến năm 2030 được duyệt là 1,00 ha, kết quả chuyển mục đích trong 03 năm là 0,70 ha (năm 2021 là 0,40 ha; năm 2022 là 0,15 ha; năm 2023 là 0,15 ha), chỉ tiêu còn lại chưa thực hiện là

0,30 ha. Theo nhu cầu đăng ký chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2024 là 0,86 ha vượt so với chỉ tiêu còn lại là 0,56 ha, tuy nhiên đối chiếu với chỉ tiêu tổng thể của thành phố còn lại là 25,98 ha, để giải quyết nhu cầu chuyển mục đích của người sử dụng đất nên bổ sung chỉ tiêu chuyển mục đích từ các phường khác sang cho Phường 5.

### **3.5. Diện tích đất cần thu hồi**

Tổng diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch 2024 là 286,19 ha, cụ thể:

- Đất trồng lúa: 82,45 ha.
- Đất trồng cây hàng năm: 22,85 ha.
- Đất trồng cây lâu năm: 6,95 ha.
- Đất rừng trồng sản xuất: 73,94 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản: 12,14 ha.
- Đất quốc phòng: 0,93 ha.
- Đất phát triển hạ tầng: 19,28 ha (trong đó: Đất giao thông: 8,60 ha; đất thủy lợi: 3,77 ha; đất cơ sở giáo dục - đào tạo: 0,40 ha; đất nghĩa địa: 6,51 ha).
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,04 ha.
- Đất ở tại đô thị: 12,14 ha.
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,16 ha.
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 15,22 ha.
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 9,37 ha.
- Đất chưa sử dụng: 30,55 ha.

*(Có Biểu 08/CH và Biểu 09/CH kèm theo)*

### **3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng**

Trong năm 2024, khai thác sử dụng 30,59 ha từ đất bằng chưa sử dụng để đấu giá các lô đất lẻ trong khu dân cư, thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, mở rộng phát triển các khu đô thị mới, ... Cụ thể, đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích sau:

- Đất nông nghiệp khác: 0,04 ha.
- Đất thương mại, dịch vụ: 0,57 ha.
- Đất phát triển hạ tầng: 19,97 ha.
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 2,82 ha.
- Đất ở tại đô thị: 7,18 ha.

*(Có Biểu 09/CH kèm theo)*

### **3.7. Giao đất, cho thuê đất đối với thửa đất nhỏ hẹp**

Qua thực hiện các bước thống kê, rà soát việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước quản lý trên địa bàn thành phố theo khoản 11

Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 và Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

- Tổng diện tích đưa vào kế hoạch: 1,93 ha, trong đó:
- + Phường 1: 0,64 ha;
- + Phường 2: 0,08 ha;
- + Phường 3: 0,14 ha;
- + Phường 4: 0,09 ha;
- + Phường 5: 0,04 ha;
- + Phường Đông Thanh: 0,12 ha;
- + Phường Đông Giang: 0,39 ha;
- + Phường Đông Lễ: 0,18 ha;
- + Phường Đông Lương: 0,25 ha.

### **3.8. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch**

Đối với các công trình, dự án theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai 2013 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và có ghi vốn trong năm kế hoạch.

*(Có Biểu 10/CH kèm theo)*

### **3.9. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất**

#### **3.9.1. Căn cứ pháp lý để ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai**

- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 06/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 -2024) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định một số chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà Nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đông Hà;

- Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định một số chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà Nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đông Hà;

- Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành quy định mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Căn cứ phương pháp xác định giá đất cụ thể;

- Thực tế các nguồn thu từ đất trên địa bàn thành phố qua các năm.

### **3.9.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai**

- Các khoản thu: 352,0 tỷ đồng

+ Thu tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 10,0 tỷ đồng

+ Thu cho thuê đất, cho thuê mặt nước: 20,0 tỷ đồng

+ Thu tiền sử dụng đất (đấu giá, chuyển mục đích...): 322,0 tỷ đồng

- Các khoản chi: 105,5 tỷ đồng

+ Chi bồi thường, giải phóng mặt bằng: 100,0 tỷ đồng

+ Chi nhiệm vụ quản lý đất đai: 5,5 tỷ đồng

- Cân đối thu chi: Thu - Chi = 246,5 tỷ đồng

## **IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

Để kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được thực hiện có hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh cần phải thực hiện đồng bộ một số giải pháp chính sau:

### **4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường**

- Khai thác sử dụng đất đi đôi với việc bảo vệ môi trường; khai thác sử dụng đất cần chú ý đến việc đầu tư nâng cao độ phì đất, tái tạo lại cảnh quan; bảo vệ rừng phòng hộ, phát triển, bảo vệ rừng sản xuất, tăng độ che phủ rừng, giữ gìn cảnh quan, môi trường sinh thái.

- Cần xem xét ưu tiên đối với những dự án đầu tư có tính trọng điểm, là động lực phát triển kinh tế xã hội của thành phố, các dự án thân thiện với môi trường mang tính bền vững. Các dự án chuyên mục đích sử dụng đất cho phát triển kinh tế, xã hội buộc phải có đánh giá tác động môi trường để có thể ngăn chặn từ trước những nguyên nhân gây ô nhiễm, công tác lập và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện nghiêm túc theo quy định. Kiểm soát, giám sát chặt chẽ các nguồn nước thải ra môi trường; kiểm tra, kịp thời phát hiện và ngăn chặn, xử phạt các cơ sở sản xuất, cá nhân gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn theo Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước.

- Đối với đất nông nghiệp phải áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai của thành phố. Hạn chế việc sử dụng chất hóa học trong sản xuất nông nghiệp. Nghiên cứu chuyển giao các giống cây trồng, vật nuôi, hạn chế sâu bệnh, để có năng suất cao, chất lượng tốt.

- Hầu hết các phường, khu phố đều có quy hoạch khu tập kết rác thải, tuy nhiên cần lựa chọn phương thức thu gom và công nghệ xử lý phù hợp, giảm thiểu tác động của khu quản lý rác thải đến môi trường xung quanh.

#### **4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất**

Để thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đạt theo kế hoạch đề ra, cần phải huy động có hiệu quả nguồn vốn đầu tư, cụ thể:

- Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chi ngân sách thành phố hàng năm, trong đó tiết kiệm chi thường xuyên để ưu tiên bố trí thêm nguồn vốn cho đầu tư phát triển; đồng thời tranh thủ có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỉnh và các nguồn vốn tài trợ ODA để bố trí cho các công trình dự án trên địa bàn thành phố đảm bảo tiến độ đề ra.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước quan tâm bỏ vốn đầu tư thực hiện các dự án phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện giao đất ở đô thị có thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất; thực hiện cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng đất làm mục đích sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các đề án xã hội hóa về lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng đô thị để huy động vốn đóng góp của nhân dân thông qua các công trình xã hội hoá.

- Thực hiện chính sách khai thác quỹ đất hợp lý, phát huy tiềm năng, tăng cường thực hiện các dự án đấu giá, đấu thầu dự án có sử dụng đất nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

- Đầu tư có trọng điểm trên các lĩnh vực ưu tiên, đặc biệt là đầu tư để phát triển thương mại - dịch vụ và xây dựng cơ sở hạ tầng.



- Huy động tối đa các nguồn vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư nước ngoài, vốn tự có của nhân dân.

- Hướng dẫn việc triển khai thực hiện kế hoạch, quy hoạch; cung cấp thông tin có liên quan cho chủ đầu tư để thực hiện đúng kế hoạch, quy hoạch.

#### **4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất**

- Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt, UBND thành phố chỉ đạo các phường, các ngành xây dựng phương án kế hoạch sử dụng đất trong phạm vi quản lý của đơn vị mình, phù hợp với nội dung kế hoạch sử dụng đất của thành phố trên địa bàn phường.

- Công khai kế hoạch sử dụng đất của thành phố để mọi người dân biết và thực hiện đúng kế hoạch.

- Tuyên truyền phổ biến pháp luật về đất đai để người dân nắm và tuân thủ; tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính trong các thủ tục liên quan tới đất đai.

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật các biến động đất đai để làm cơ sở cho công tác quản lý đất đai theo đúng kế hoạch sử dụng đất.

- Các công trình đầu tư xây dựng phải phù hợp quy hoạch để đảm bảo quản lý đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch sử dụng đất, đồng thời thông qua nhân dân để phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm.

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn thành phố.

- Thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư phù hợp và đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền khi thực hiện dự án thu hồi, bồi thường đất đai để người dân thuộc đối tượng thu hồi đất đồng tình thực hiện tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thu hồi đất giải phóng mặt bằng. Giải quyết tốt chỗ ở, ổn định đời sống và tạo việc làm cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi.

#### **4.4. Giải pháp về khoa học công nghệ, sử dụng lao động**

- Tăng cường đầu tư cho việc ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý đất đai và sử dụng đất để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho những cán bộ công chức làm công tác quản lý đất đai dưới hình thức đào tạo, đào tạo lại, tập huấn thường xuyên để có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực giúp cho chính quyền các cấp làm tốt công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo Luật Đất đai năm 2013 quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, ban hành kịp thời các văn bản theo thẩm quyền nhằm thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của Pháp luật.

#### **4.5. Giải pháp về thông tin và truyền thông**

Xây dựng kế hoạch sử dụng đất và thực hiện kế hoạch cần có sự tham gia đầy đủ của các tổ chức, cá nhân sử dụng đất. Cần lựa chọn các phương tiện thông tin và truyền thông phù hợp để mọi đối tượng nắm bắt được đầy đủ các thông tin về kế hoạch sử dụng đất. Ngoài ra giáo dục pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai cần được chú trọng, quan tâm; để nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý đất đai và nhận thức của các tổ chức, cá nhân sử dụng đất về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, đúng pháp luật.

#### **4.6. Giải pháp chuyển đổi ngành nghề và phát triển sinh kế cho những hộ gia đình bị thu hồi đất sản xuất để thực hiện các mục đích phi nông nghiệp**

- Giải quyết tốt chỗ ở, ổn định đời sống và tạo việc làm cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, đào tạo nâng cao tay nghề đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn.

- Hỗ trợ phát triển sinh kế bao gồm:

+ Thứ nhất là tiếp tục củng cố năng lực kỹ thuật và quản lý tư vấn trang trại cho cán bộ và người dân, song song với việc chuyên môn hóa các hoạt động nông nghiệp cho các hộ nông dân, đẩy mạnh nâng cao chuyên môn và nhân rộng các thực hành nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tập trung, nông nghiệp công nghệ cao.

+ Thứ hai là xây dựng và củng cố năng lực cung cấp dịch vụ nông nghiệp cho các nông hộ thông qua mô hình hợp tác xã và các nhóm sản xuất nhằm mang đến sự hỗ trợ tối ưu cho các nông hộ hưởng lợi, giảm thiểu chi phí phát sinh và đáp ứng nhu cầu đa dạng của các hộ sản xuất tại địa phương và người tiêu dùng.

+ Hỗ trợ nhiều hơn nữa các hộ nông dân có nhu cầu, nâng cao năng lực kỹ thuật và chuyên môn của các bên liên quan, mang nền nông nghiệp sinh thái cùng các thực hành nông nghiệp bền vững tiến sâu rộng hơn vào đời sống tại địa phương nói chung.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Đông Hà dựa trên Phương án Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Đông Hà và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố năm 2024. Tổng hợp hầu hết các nhu cầu sử dụng đất của người dân và nhu cầu sử dụng đất của các công trình dự án đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn trung ương, tỉnh, địa phương triển khai trên địa bàn thành phố và một số dự án của các thành phần kinh tế. Đảm bảo điều hòa được quan hệ sử dụng đất trong phát triển xây dựng đô thị và phát triển của các ngành kinh tế phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Đông Hà, là cơ sở pháp lý để tiến hành giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giúp cho các tổ chức, cá nhân có cơ sở pháp lý đầu tư phát triển trên địa bàn thành phố. Chỉ tiêu các loại đất chính của phương án kế hoạch sử dụng đất 2024 đảm bảo cho phát triển kinh tế - xã hội từ đó nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và chất lượng cuộc sống của các tầng lớp dân cư, phát triển các ngành kinh tế. Hiệu quả sử dụng đất được nâng cao với sự chuyên dịch cơ cấu đất đai hợp lý, phù hợp với định hướng phát triển của thành phố.

Các nội dung, yêu cầu về kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

### 2. Kiến nghị

Kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Đông Hà, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Kính đề nghị UBND tỉnh xem xét phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Đông Hà, để UBND thành phố Đông Hà làm cơ sở tổ chức thực hiện.

**BIỂU SỐ LIỆU**